

KHƯƠNG-LỮ-VONG

THÁI CÔNG BINH PHÁP

Dịch-Giải :

MÃ-NGUYỄN-LƯƠNG

& LÊ-XUÂN-MAI



公石黃

TỔ - THƯ

HOÀNG-THẠCH-CÔNG

NHÀ SÁCH
KHAI-TRÍ

黃石公
HOÀNG-THẠCH-CÔNG

素書

TỔ-THƯ

&

太公兵法

THÁI-CÔNG BINH-PHÁP

DỊCH-GIẢ:

MÃ-NGUYỄN-LƯƠNG & LÊ-XUÂN-MAI

馬元良 黎春梅

LỜI NÓI ĐẦU

CUỐN sách dịch này ra mắt độc-giả được là do một sự tình-cờ. Kẻ hèn này là một người chơi sách và thường nuôi mộng sưu-tầm những pho sách quý của Trung-Quốc để dịch ra Việt-Ngữ. Vì lý-do ấy mà được quen biết một vị học-giả Trung-Hoa ở gần nhà là **Mã-Nguyên-Lương tiên-sinh** tự là **Lữ-Bình**, biệt-hiệu là **Trúc-Khê Sơn-Nhân**. Mã tiên-sinh là một người tài-hoa, phong-nhã, cầm, kỳ, thi, họa, đủ mùi ca, ngâm, ... Tập thơ bằng Hoa-Văn mà tiên-sinh làm khi tiếp-xúc với người và cảnh Việt-Nam đã được nữ-sĩ **Tương-Phổ** dịch đầy-dủ ra Việt-Ngữ. Tài hội-họa của tiên-sinh cũng rất được thưởng-thức bởi các giới trí-thức xa gần. Tình bạn Hoa-Việt lại càng thêm mặn nồng vì về sau được biết rõ thêm là dưới cái hình-thức phong-lưu, nho-nhã ấy, thực ra ẩn-nấp tâm-hồn của một võ-tướng đã tranh-đấu rất nhiều cho quê-hương mình và cho nước bạn là Việt-Nam. Thực vậy, tiên-sinh đã từng tham-gia chiến-tranh Hoa-Nhật trong tám năm và có chân trong **Hội Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh** điều-kiển bởi cụ **Nguyễn-Hải-Thần** hoạt-động để giải-phóng Việt-Nam khoảng ba mươi năm về trước.

Sinh năm 1901 tại tỉnh Quảng-Tây, huyện Trấn-Biên, quận Bình-Dương, giáp-giới tỉnh Cao-Bằng (Bắc-Việt), tiên-sinh đã sống suốt thời niên-thiếu trên lục-địa Trung-Quốc. Là một thanh-niên thời loạn, lẽ có-nhiên tiên-sinh đã chuyển-hướng sự học-vấn về ngành chính-trị và quân-sự.

Thực vậy, về chính-trị-học, tiên-sinh đã tốt-nghiệp Ngoại-Giao Học-Hiệu (Biên-Vụ Đại-Học) ở tỉnh Quảng-Tây.

Về võ-học, tiên-sinh đã tốt-nghiệp Quân-Sĩ Học-Hiệu, Quân-Quan Học-Hiệu (tức là trường võ-bị Hoàng-Phổ ngày xưa do **Thống-chế Trương-giới-Thạch** làm hiệu-trưởng), Cơ-Pháo-Giáo-Đạo-Đội (Quảng-Đông) và Phòng-Không Học-Hiệu (Giang-Tây).

Sau thời-gian tham-gia kháng-chiến chống Nhật-Bản (1936 — 1940), tiên-sinh gia-nhập cuộc tranh-đấu giải-phóng

người Việt-Nam được nâng-đỡ bởi Đại-Tướng Trương-Phát-Khuê, Tư-lệnh Đệ-Tứ Chiến-Khu (Quảng-Tây).

Khoảng 1941 — 1943, tiên-sinh gia-nhập Đội Công-Tác Chính-Trị Biên-Khu Trung-Việt dưới quyền chủ-nhiệm của một võ-quan Việt-Nam là **Thiếu-Tướng Trương-Bội-Công** thuộc về **Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội**.

Sau đó trong khoảng 1944 — 1946, tiên-sinh lại gia-nhập **Quân-Đội Việt-Nam Quốc-Dân Cách-Mệnh Đệ-Nhi-Quân**, và làm chủ-nhiệm bộ chính-trị dưới quyền điều-khiển của cụ **Nguyễn-Hải-Thần**. Vì lẽ ấy mà ta thấy tiên-sinh đứng chung với cụ **Nguyễn-Hải-Thần** trong một bức ảnh sau đây.

Khi Việt-Minh lên nắm chính-quyền tiên-sinh dời qua làm cố-vấn cho Bộ Tư-lệnh Hải-Quân Trung-Hoa, tại Hà-Nội.



Ảnh của Mã tiên-sinh chụp chung với bạn đồng học



Trong hàng đầu:

Người thứ nhất: **MÃ NGUYỄN LƯƠNG**

Người thứ ba: **NGUYỄN HẢI THẦN**

Mùa thu năm 1945 cụ **Nguyễn-Hải-Thần** lãnh-đạo **Quân-Đội Việt-Nam Quốc-Dân Cách-Mệnh** từ Long-Bang (Quảng-Tây) tiến tới biên-giới Hoa-Việt đổ vào Cao-Bằng, lúc sắp đặt chân trên đất tổ thân-yêu mà cụ phải xa-cách trên bốn mươi năm trời dang-dang, thì cụ không khỏi ngậm-ngùi cảm-động mà làm bài thơ sau này (**Việt-Nam Cách-Mệnh Nguyên-Lão Nguyễn-Hải-Thần** tiên-sinh ở 1945 niên thu tùy Quốc-Quân nhập Việt thọ hàng sơ lý quốc-cảnh cảm-hoài-thi):

立	馬	邊	城	眼	界	開
Lập	mã	biên	thành	nhân	giới	khai
江	山	無	恙	我	歸	來
Giang	sơn	vô	dạng	ngã	qui	lai
回	頭	四	十	餘	年	事
Hồi	đầu	tứ	thập	dư	niên	sự
不	盡	依	依	故	國	懷
Bất	tận	y	y	cố	quốc	hoài

(NGUYỄN-HẢI-THẦN)

Khi ấy Mã-tiên-sinh làm bài thơ họa nguyên-vận như sau:

策	馬	關	城	氣	象	開
Sách	mã	quan	thành	khí	tượng	khai
與	公	聯	轡	賦	歸	來
Dữ	Công	liên	bí	phú	qui	lai
江	山	此	日	重	收	拾
Giang	sơn	thử	nhật	trùng	thâu	thập
不	負	當	年	去	國	懷
Bất	phụ	đương	niên	khứ	quốc	hoài

(LỮ-BÌNH, MÃ-NGUYỄN-LƯƠNG)

Khi về tới Hà-Nội, nữ-sĩ **TƯƠNG-PHỐ** xem hai bài thơ

xướng-họa ấy, liền dịch ra thơ Việt như sau (mà chúng tôi còn giữ đủ bút-tích):

NGUYỄN-XƯƠNG CỦA CỤ HẢI-THẦN:

*Bên thành dừng ngựa mắt xa đưa,
Sông núi ta về, vẫn cảnh xưa;
Bốn chục năm thừa ôn việc trước,
Băn-khoăn nước cũ đến bây giờ!*

BÀI HỌA NGUYỄN-VẬN CỦA CỤ LỮ-BÌNH:

*Quan thành ngàn dặm vó câu đưa,
Cùng cụ dong cương lại cảnh xưa;
Non nước mai đây sang-sửa mới,
Bỏ khi xa cách những bao giờ!*



Ảnh của Lữ-Bình tiên-sinh ngồi chụp chung với nữ-sĩ Tương-Phổ tại Hà-Nội khi đến viếng thi-lưu của nữ-sĩ cùng với họa-sĩ Tường-Thừa-Tân

(Ảnh Lữ-Vinh)

Hiện nay, gia-từ nhung-y, vô-khí và cư-trú tại Việt-Nam, nhà võ-tướng ấy đã biến thành một văn-nhân tài-hoa phong-nhã sốt-sống tham-gia các hoạt-động văn-hóa Việt-Nam trong suốt mười năm nay:

— Làm trưởng-ban dịch kinh-sách cho Tòa Thánh Cao-Đài ở Tây-ninh ;

— Làm trưởng-ban Hoa-Văn soạn-thảo bộ Tứ-Ngữ Từ-Điền (Pháp, Việt, Anh, Hoa) ;

— Dịch cuốn Nam-Thi Hợp-Tuyền từ Việt-ngữ ra Hoa-ngữ ;

— Dịch Cung-oán Ngâm-Khúc từ Việt-Ngữ ra Hoa-ngữ ;

— Làm bí-thư và cổ-văn Hòa-Ngữ cho Hội Không-Học Việt-Nam.

— Dịch các binh-thư từ Hoa-Ngữ ra Việt-Ngữ...

Tiểu-sử trên này đã viết đề đánh dấu tình bằng-hữu Hoa-Việt cùng là đề ghi ơn của một người dân Việt tức là của chính tôi đây đối với một võ-quan Trung-Quốc, cụu-đồng-chí của cụ Nguyễn-Hải-Thần đã bỏ gần suốt đời người để tranh-đấu giải-phóng cho Việt-Nam và trong thời đương-lão cũng còn hoạt-động đặc-lực cho nền văn-hóa Việt-Nam như đã kể trên.

* * *

Một chiều chủ-nhật, sau một cuộc lùng sách không kết-quả sắp về tới nhà, tôi bỗng có ý-định ghé vào thăm nhà Mã tiên-sinh. Lúc ấy tiên-sinh đang đọc cuốn **Tố-Thư** của **Hoàng-Thạch-Công** (thầy của **Trương-Lương**, quân-sư của **Hán-Cao-Tổ**) Tiên-sinh cho tôi xem sách và nói rằng do **Thiếu-Tướng Phương-Bính-Tây** từ **Đài-Loan** gửi tặng.

Cầm quyền sách quý trong tay, tôi rất cảm-động vì **Hoàng-Thạch-Công** là một bậc tiên-gia thầy học của **Trương-Lương**

mà công-nghiệp phò Hán, phá Tần, diệt Sở thật là lẫy-lừng trong lịch-sử Trung-Quốc. **Hoàng-Thạch-Công** cũng như **Xích-Tùng-Tử** là những bậc siêu-phàm, xuất-thế thường được nhắc-nhở trong thi-văn Việt-Nam như ta thấy trong vài thí-dụ sau đây:

Nhà nước yên mà sĩ được thung-dung,

Bấy giờ sĩ mới tìm Ông Hoàng-Thạch.

(LUÂN KÊ SĨ, NGUYỄN-CÔNG-TRÚ)

Thú xuất thần tiên cũng là ta,

Sánh Hoàng-Thạch, Xích-Tùng, ờ cũng đáng !

(CẨM, KỶ, THI, TỬU, NGUYỄN-CÔNG-TRÚ)

Mã tiên-sinh đã dịch gần nửa cuốn **Tố-Thư** ra Việt-Ngữ, và tỏ ý muốn nhờ tôi hoàn-thành bản dịch ấy. Nhờ thế hôm nay tôi được cái vinh-dự giới-thiệu cùng độc-giả Việt-Nam những lời châu-ngọc của hai bậc thánh-nhân là **Khương-Thái-Công** và **Hoàng-Thạch-Công**.

Sách **Tố-Thư** gồm có hai phần:

— Một phần là **Thái-Công binh-pháp** tức là binh-pháp của **Khương-Thái-Công** tự là **Lữ Vọng**, quân-sư của hai vua Văn-Vương và Võ-Vương, mà sự-nghiệp diệt Thương, phò Chu đã được các sử, truyện kể rõ, nhất là truyện **Phong-Thần** rất phổ-thông trong dân-chúng

— Phần thứ hai là **Tố-Thư lục-chương** do **Hoàng-Thạch-Công** trước-tác đề giảng rõ thêm các ý-kiến của **Khương-Thái-Công** và đề thu gọn các bí-quyết chánh-trị trong những công-thức văn-tất.

Hai phần ấy đi liền với nhau cũng được gọi là sách **Tố-Thư**. Vì sao gọi là sách **Tố-Thư**? **Tố** có nghĩa là vốn từ xưa để lại, không có thêm bớt sửa đổi. Vậy tóm lại, ta có thể chấp-nhận giả-thuyết là **Tố-Thư** là pho sách mà **Hoàng-Thạch-Công** truyền lại, gồm có **Thái-Công Binh-pháp** và sáu chương bổ-túc do chính mình trước-tác.

Trong bản in của nhà xuất-bản Quốc-Dân thì phần sáu chương đề ra trước phần Thái-công binh-pháp nên trong bản dịch, tôi cũng giữ đúng thứ-tự ấy. Thêm nữa, kèm theo nguyên-văn lại có rất nhiều lời chú-thích của **Lưu-Bá-Ôn**, quân-sư của vua Chu-Hồng-Võ sáng-lập nhà Đại-Minh. Vì lời chú-thích rất dài-dòng và quá cao-xa, mà lại dẫn ra nhiều sự-kiện lịch-sử Trung-Quốc khá xa-lạ đối với độc-giả Việt-Nam nên tôi để dành lời chú-thích ấy cho lần tái-bản sách dịch này (nếu có) và chỉ giữ lại những lời chú-thích thiết-yếu mà thôi.

Theo bài tựa cũ sách **Tố-Thư** của **Triệu-Văn-Túc**, đời nhà Minh thì **Hoàng-Thạch-Công** trao sách **Tố-Thư**, gồm có 6 chương 1256 chữ cho **Trương-Tử-Phòng** tại **Di-Kiều**, còn sách **Sử-Ký** thì chép rằng **Trương-Lưu-Hầu** sau khi nhận sách, chờ đến sáng xem lại thì té ra là **Thái-Công Binh-Pháp**. Vậy giả-thuyết về sự cấu-tạo của sách **Tố-Thư** đã nêu ra ở trên, có thể xem là đúng hẳn.

* * *

Dịch-giả đã nhiều lần thắc-mắc về nguồn gốc của **Thái-Công Binh-Pháp**. Về sau, may mắn được một cao-nhân giảng rõ nên dịch-giả xin mạo-muội đưa ra một giả-thuyết như sau:

Sách **Lục-Thao** chẳng phải do Khương-Thái-Công viết, mà thực ra do hai vua Văn, Vũ nhà Chu chép lại lời giảng của **Khương-Thái-Công** về chánh-trị và quân-sự, để lưu-truyền lại cho con cháu. Nhưng phép-tác trong sách ấy đã được Thái-Công dùng để phò Châu, diệt Thương.

Nếu quả thực như thế, tại sao Thái-Công lại còn viết cuốn **Thái-Công Binh-Pháp**?

Ta nên nhớ rằng Thái-Công là một tiên-gia, tinh-thông môn lý-số-học nên biết rõ tương-lai. Trong bài sấm-ký « **Cần-Khôn Vạn-Niên Ca** », Thái-Công đã dự-đoán các thời thịnh, suy, trị, loạn, tên chiết-tự và thời-gian trị-vị của các vua nối ngôi trong một

khoảng thời-gian là một hội (10.800 năm), đến nay các sử-gia phải thừa-nhận là rất đúng. Cuối bài ca ấy, Thái-Công có đề hai câu thơ:

Tri-âm quân-tử tường thử số

Thiên địa tuần-hoàn nhất quán thông !

(nghĩa là: Bậc quân-tử tri-âm nếu biết rõ môn số-học ấy thì sẽ thông-suốt việc tuần-hoàn của trời đất).

Như thế Thái-Công phải biết trước rõ-ràng các thời suy (Đông-Chu, Tần, Sở) và thời thịnh sắp đến (Hán), do đó **Thái-Công Binh-Pháp** viết ra không phải để dùng cho nhà Châu, mà thực ra để dùng về sau cho nhà Hán. Sách ấy chắc là được giữ kín trong các động đá để lưu-truyền từ tay ăn-sĩ này đến tay ăn-sĩ khác mãi cho tới **Hoàng-Thạch-Công**.

Vậy cuốn **Tố-Thư** chú-giải ngày nay là một cuốn kỳ-thư trên đời, đã thành-hình do sự đóng góp của bốn thánh-nhân:

1.— trước-tác bởi **Lữ-Vọng**, quân-sư nhà Chu;

2.— diễn-giảng, bổ-túc và truyền-pháp bởi **Hoàng-Thạch-Công** là bậc tiên-gia đời Tần;

3.— đem ra thí-nghiệm bởi **Trương-Lương**, quân-sư nhà Hán;

4.— chú thích bởi **Lưu-Bá-Ôn**, quân-sư nhà Minh.

Thế mà sách ấy là do họ Hoàng trao cho **Trương-Lương** nên người ta có thói quen cho rằng là của **Hoàng-Thạch-Công**.

* * *

Ta nên đề ý một điều quái-dị là **Hoàng-Thạch-Công** nổi tiếng trên đời là nhờ trao sách, mà sách nổi tiếng là nhờ một kẻ biết dùng là **Trương-Lương**.

Lưu-Hầu Trương-Lương tự là **Tử-Phòng** là người nước Hàn, từ-tiên làm quan nước ấy đã năm đời. Khi nhà Tần diệt nước Hàn thì Lương còn trẻ chưa làm quan, tới-tớ trong nhà có tới 300 người. Lương dùng tất cả gia-tài để cầu khách đàm-Tân-Vương báo thù cho Hàn. Khi Tần-Hoàng đông-du, lực-sĩ của Lương cầm dùi sắt đâm lăm vào xe phuy vì thiên-tử khi du-hành dùng tới 36 xe. Tần-Hoàng giận lắm, sai quân lùng bắt kẻ hành-thích gấp lắm.

Lương bèn dấu tên họ trốn ở Hạ-Bì. Khi rồi, Lương thường thung dung đi bộ hóng mát trên **Cầu Di**. Một ngày kia, có một ông già đi đến chỗ Lương đứng, làm rơi giày xuống dưới chân cầu bảo Lương xuống lượm giày lên. Lương ngạc-nhiên, giận lắm nhưng vì nể tuổi-tác nên miễn-cưỡng trèo xuống lượm giày. Ông già lại bảo Lương xỏ giày vào chân ông ta, Lương cũng vâng lời quỳ xuống xỏ giày. Ông già bèn mỉm cười và bỏ đi không một lời cảm ơn. Lương kinh-ngạc đưa mắt nhìn theo. Ông già đi được một dặm rồi quay lại bảo: Cậu bé dễ dạy đấy! Năm ngày nữa, vào lúc bình-minh hãy trở lại gặp ta ở chỗ này! Lương lại càng quái lạ, quỳ xuống thưa vâng. Năm ngày sau, vào lúc bình-minh, Lương đến chỗ cũ thì đã thấy ông già đã đến trước ngồi chờ từ lâu. Ông già giận dữ nói: Đối với người già, sao lại trễ hẹn! Năm ngày nữa phải đến cho sớm! Nói xong rồi đi. Năm ngày sau lúc gà gáy, Lương lại đến chỗ cũ nhưng thấy ông già đã đến trước. Ông ta giận dữ nói: Sao lại đến trễ? Năm ngày nữa phải đến cho sớm! Nói xong rồi đi. Năm ngày sau, chưa tới nửa đêm, Lương đã tới. Đợi một chốc ông già đến mỉm cười nói: Nền như thế! Ông lấy ra một pho sách và nói: Đọc sách này thì sẽ làm thầy của bậc đế-vương. Mười năm nữa thì khởi-sự. Mười ba năm nữa, cậu bé sẽ gặp ta ở phía bắc nước Tề, dưới chân núi Cốc-Thành. **Hoàng-Thạch-Công** tức là ta đây! Ông già nói xong bèn đi không thêm lời nào, và không được gặp lại nữa. Đến sáng sớm, Lương xem sách thì biết là **Thái-Công Binh-Pháp**, thì lấy làm lạ lắm! Lương thường đem sách ra ngâm đọc và thực-hành.

Trên đây chỉ là huyền-thoại kể lại Lương đã nhận sách **Tố-Thư** trong hoàn-cảnh nào. Về việc Lương có được tiếp-xúc nhiều ông già trong thời-gian ẩn-cư không, thì ta không thể biết rõ. Theo chỗ hiểu biết riêng của dịch-giả về phép tu-học của đạo-gia thì sự hiểu-biết không do lý-trí, mà do ở hành-động (**Thuyết tri-hành hiệp nhất** của **Vương-Dương-Minh**, của **Nietzches**, v. v. .) nên một chân-lý không thể lãnh-hội bằng cách đọc sách mà thôi. Tôi tin rằng từ chốn xa-xôi, bậc tiên-gia họ Hoàng đã truyền giáo-

pháp qua không-gian cho **Trương-Lương** trong suốt thời-gian ẩn-cư nơi Hạ-Bì, trong thời-gian khởi-nghĩa, và thời-gian giúp Hán-Vương. Đó là cách truyền dạy mà không nói của các bậc tiên gia đối với đệ-tử cho đến khi hoàn-toàn đặc-đạo và trong thời-gian hành-đạo về sau.

Trương-Lương giúp **Lưu-Bang** gây dựng nhà Hán như thế nào, sách **Tây-Hán-Chí** (hoặc **Hán-Sử** tranh-hùng) có thuật rõ, dịch-giả không dám kể rườm-rà ở đây mà chỉ mượn hai bài thơ sau đây (hơi khác nhau) của **Nguyễn-công-Trứ** để lược-thuật sự nghiệp của **Trương-Lương**:

VĨNH TRƯƠNG - LƯU - HẦU

*Năm năm uốn lưỡi trong màn,
Một mình ơn Hán nợ Hàn trả xong
Trương Lưu-Hầu là Hàn-công-tử
Đôi năm đời chung đỉnh đại cân
Liều một dùi chưa trả nợ cổ-quân
Uống ba tấc lấy thân thờ Hán-chúa
Thuốc độc phun Tần lấy đến Sở
Mùi thơm ngậm Hán trốn cho Hàn
Trong một năm gây một mối giang-san
Đền nợ nước ơn sâu đầy vện sóng
Trường phú-quý xem bằng mây mỏng
Túi Xích-Tùng riêng dùng-dinh dấy thanh-sơn
Nhục vinh gác chuyện Tiêu, Hàn.*

* * *

*Trương Lưu-Hầu là Hàn-công-tử
Đôi năm đời chung đỉnh nước Hàn
Đến chừng khi quốc-vận đa gian*

Niềm ưu-ái phải chăm bề báo-phục
Cơn xung-đột trải mấy lần gai gót
Đến Trần-Lưu xây gập Lưu-Quân
Năm năm ba tấc lưỡi kinh-luân
Mầu thao-lược vây Tần nhốt Hạng
Ớn Hán vẹn, nợ Hàn chẳng vương
Túi vương-hầu treo gửi gánh Hoàng-Công
Một mình lui tới thung-dung.

* * *

Khi dịch sách này tôi đã đưa ra một nguyên-tắc làm việc: Nếu gặp chỗ nào khó hiểu hoặc vô-lý, tôi cũng gắng dịch cho sát nghĩa và để dành phần phê-phán cho độc-giả khi đối-chiếu với bản Hoa-văn kèm theo, chứ không dịch theo thiên-kiến của mình, hoặc dịch sao cho xuôi tai hợp-lý thì thôi, bất chấp cả bản Hoa-văn (Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thì tri giả).

Có bản Hoa-văn kèm theo bản dịch, cốt là để hiển độc-giả một tài-liệu khảo-cứu vì cuốn **Tố-Thư** hiếm có trên thị-trường và cũng là để dịch-giả phải tự buộc mình theo một kỹ-luật là phải dịch sát nguyên-văn. Phần Hoa-văn được phiên-âm là để giúp các độc-giả mới học Hoa-ngữ.

Sau khi dịch xong, tôi đưa bản dịch cho **Mã-Nguyên-Lương** tiên-sinh xem lại và sửa chữa, nhờ đó tránh được nhiều chỗ sai-lầm.

Trong văn xưa, một chữ có rất nhiều nghĩa, nghĩa xưa khác nghĩa nay, và lại rất khó mà biết đúng ý-nghĩ của người xưa, nên việc dịch sách không thể tránh khỏi những lỗi-lầm, vậy xin độc-giả ban cho lời chỉ-giáo.

* * *

Sau khi đọc xong bản dịch cuốn **Tố-Thư** có thể rằng độc-giả sẽ tự hỏi: Sách chẳng có gì hay-ho khác thường, thế tại sao

trong lời tựa cũ, Triệu tiên-sinh lại bảo rằng chỉ các bậc Thần-Tiên Thánh-Hiền mới có quyền đọc nó? Đó là lời nói quá đáng chăng?

Dịch-giả xin thưa rằng: Cách đọc sách của thánh-hiền đời xưa và của người phàm-tục đời nay có chỗ khác nhau.

Bậc thánh-hiền đời xưa tự chọn một lối sống đặc-biệt: ăn chẳng cầu no, ở chẳng cầu an, nằm gai nếm mật, trải nắng dầm sương, soi ánh trăng mà đọc bình-thư, múc nước suối mà mài bảo-kiếm, dốc tâm dốc chí cầu đạo và hành-đạo (xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo), đọc sách thì tìm hiểu cho tới nơi tới chốn, tìm hiểu thấu-đáo thì biết được chơn-lý rốt-ráo, biết rốt-ráo thì học thuộc nằm lòng rồi ngâm đọc hằng ngày, và không đọc gì khác hơn nữa (theo chủ-trương chỉ đọc một sách: l'homme d'un seul livre).

Bây giờ dịch-giả xin hỏi trở lại độc-giả: Một bậc thánh-hiền bỏ của cầu nghèo, bỏ thân cầu đạo, hăm-mộ đạo-đức cho đến nỗi bỏ quên vợ con như **Khổng-Tử** (vợ chết hồi nào không hay), hoặc đến nỗi bị vợ dễ bỏ như **Khương-Thái-Công**, nếu bậc ấy suốt ngày chỉ ngâm đọc **Tố-Thư**, thì kết-quả sẽ thế nào?

Tôi xin trả lời thay: Một kẻ suốt ngày chỉ nghĩ đến điều ác, ắt sẽ làm điều ác; một kẻ suốt ngày chỉ nghĩ đến điều thiện, ắt sẽ làm điều thiện. Đó là hiện-lượng tự-kỷ ám-thị, chẳng có gì là lạ-lùng cả!

Vậy một bậc thánh-hiền hằng ngày ngâm đọc **Tố-Thư** ắt sẽ tự-nhiên hành-đạo theo chơn-lý của **Tố-Thư**, chứ không thể làm khác. Trong khi hành-đạo nếu có gặp nhiều trở-lực phạm nhiều lỗi-lầm, gặp nhiều thất-bại, thì những trở-lực ấy, lỗi-lầm ấy, thất-bại ấy sẽ giúp thêm nhiều kinh-nghiệm cho bản-thân, làm cho tâm-chí bền-vững hơn nữa! Bậc thánh-hiền ấy ắt sẽ làm nên sự-nghiệp, nêu danh thơm muôn thuở!

Vậy lời Triệu tiên-sinh cho rằng sách **Tố-Thư** chỉ để dành riêng cho các bậc Thần-Tiên, Thánh-Hiền, chẳng phải là lời nói ngoa nữa!

Còn kẻ phạm-tục đời nay đọc sách trong hoàn-cảnh nào và theo phương-pháp nào?

Cũng là người phạm-tục, kẻ hèn này suốt ngày bận-tâm về việc ăn ngon, mặc đẹp, giường êm, nệm ấm, tiền-bạc, sinh-kế, lại nghiện nặng các thứ quà vật, báo-chí, phim-ảnh, âm-nhạc,... cũng thường nuôi mộng-tưởng xe hơi, nhà lầu, tủ lạnh, máy lạnh, máy truyền-hình,... và băng-cấp, địa-vị! Có được hưởng đầy-dủ các tiện-nghĩ vật-chất như thế mới « **tiến-bộ** » theo kịp « **trào-lưu văn-minh** », còn nếu không được như thế là cở-hủ, là thoái-hóa, là không thành-công, là đáng xấu-hổ! Hoàn-cảnh vật-chất ấy đã trói buộc bản-thân, chi-phối hoạt-động, làm cho con người mất hết tự-do và chí-khí.

Thêm nữa khi tự xét mình, kẻ hèn này cũng tự cảm thấy thường quá chăm lo việc tư, xao lãng việc công, nặng tình vợ con, nhẹ tình tổ-tiên, đất nước. Tóm lại, kẻ hèn này đúng là một người sa-dọa, một kẻ bất-hiểu, bất-trung!

Khi đã là người phạm-tục, kẻ hèn này nếu có đọc sách thì chỉ là để giải-trí cho qua thì-giờ, để tìm những điều mới lạ, hấp-dẫn, để thỏa-mãn tánh hiếu-kỳ, đọc qua-loa để có dịp khoe rằng ta đã đọc sách ấy và để tỏ ra cho mọi người biết ta là người trí-thức. Trong hạng người phạm-tục, không thể kiếm ra một người như **Trương-Lương** kính già, yêu trẻ⁽¹⁾ bỏ gia-tài để cầu khách, lia quê-hương để kiếm nhân-tài rửa hận cho nhà, báo thù cho nước... đến lúc công thành, danh toại thì trả ấn từ quan, đi ngao-du sơn-thủy, thoát vòng lợi-danh!

(1) **Trương - Lương** lượm giấy cho ông già **Hoàng-Thạch-Công**, và thường đàn để dạy cho trẻ con ca hát, như câu thơ của **Trần-Tế-Xương** đã nhắc: *Nhớ những kẻ đàn hòa vui miệng trẻ, Biết mười mươi còn ngoảnh mặt làm thinh!*...

Hoàng-Thạch-Công đem sách **Tố-Thư** mà trao cho kẻ bất-hiểu, bất-trung thì phí mất sách, nên phải tìm cho được người xứng-dáng như **Trương-Lương**. Vậy lời **Triệu-văn-Túc** cho rằng chỉ hạng Thần-Tiên, Thánh-Hiền mới đọc được sách này chẳng phải là lời nói ngoa đó!

Là một người cũng phạm-tục như ai, kẻ hèn này tự thấy xấu-hổ, chưa xứng-dáng là kẻ ngăm đọc **Tố-Thư**, nên vụng dịch sách này để dâng lên các bậc hiền-thánh trên đời.

Tỉnh Gia-Định, Xã Phú-Nhuận

Ngày 25 tháng 8 năm Bính-Ngo

LÊ - XUÂN - MAI

BÀI TỰA CŨ SÁCH TỐ - THƯ CỦA TRIỆU-VĂN-TÚC ĐỜI NHÀ MINH.

— Xét đời **Tiền-Hán**, **Hoàng-Thạch-Công** trao sách **Tố-Thư** có sáu thiên cho **Trương-Từ-Phòng** tại **Cầu Di**, thì người đời phân nhiều cho là sách **Tam-Lược**, đó là sự đồn-đai sai-lầm.

Sách ấy có tất cả 1256 tiếng, có lời răn kín đề hiệu ngăm mới hay, có thể bàn-luận nhưng không bằng đề học-giả tự hiểu ngăm.

Có mưu-kế hay không bằng giữ cách ngu đại, kẻ cứng là giặc, người mềm là đức, thực có thể lấy sự mềm yếu làm đạo-khí.

— Không được truyền cho kẻ vô đạo, cho kẻ chẳng phải thần, chẳng phải thánh, chẳng phải hiền. Ví bằng không phải vào hạng người đáng truyền như trên, mà lại truyền cho, ắt là phải chịu tai-ương trời giáng. Gặp người đáng truyền mà lại không truyền, thì cũng bị tai-ương trời giáng, ô hô, sự thận-trọng thật là như vậy đó!

— **Thạch-Công** gặp được **Tử-Phòng** mà truyền cho, còn **Tử-Phòng** không gặp được người xứng-đáng để truyền nên phải nương nấu ở **Tịch-Cốc Đại-An-Sơn** (tức là núi Tiên-Tử-Bách ngày nay).

— Năm trăm năm sau, cuối đời Tần có người tìm được sách ấy trong động đá, đem dâng lên quốc-sư nhà Đại-Minh là **Lưu-Bá-Ôn**. Họ Lưu bèn tự mình viết thêm lời chú-giải, và từ đấy sách **Tố-Thư** lại được lưu-truyền trong nhân-gian.

— Nhưng trong sách lưu-truyền ấy, bất quá chỉ là lời của **Hoàng-Thạch-Công** đó thôi, còn về ý-tứ của Công, lời ấy có thể diễn-tả hết được sao? Kẻ ngu này đã từng suy nghĩ về điều ấy.

— Đạo không ngày nào là không có trong trời đất, các bậc thánh-hiền xưa đều hết lòng vào đấy. Vua **Nghiêu** kính-cần chăm-chí như **Thượng-Đế**, Vua **Thuấn** chính-đốn bày phép chánh-trị, Vua **Vũ** lập ra chín phép trừ dè trị thiên-hạ, sách **Truyện** giải bày đạo trời, Vua **Văn** xử tám quẻ, ông **Châu-Công** lập quan-lại theo trời đất bốn mùa, lại lập ra **Tam-Công** để điều-hòa âm-dương, sách **Xuân-Thu** và **Hiếu-Kinh** của **Khổng-Tử**, năm ngàn chữ của **Lão-Dam**, chẳng sách nào là không nói đến đạo. **Âm-Phù-Kinh** nói: Vũ-Trụ ở trong tay, vạn-vật ở trong thân mình, đạo đến đó ắt là quý-thần biến-hóa đều không ra khỏi phạm-vi của ta, hướng chỉ là hình-danh và phép đo toán tỉ-mỉ hay sao?

— **Hoàng-Thạch-Công** là người quân-tử ở ẩn đời Tần, sách của ông giản-dị, ý-tứ thâm-thúy, tuy **Nghiêu**, **Thuấn**, **Vũ**, **Thang**, **Văn**, **Vũ**, **Châu-Công**, **Khổng-Tử** cũng không ra khỏi sách ấy. Chắc là **Thạch-Công** biết Tần sắp mất, Hán sắp hưng nên lấy sách ấy trao cho **Tử-Phòng**. Còn **Tử-Phòng** há đã dùng hết sách ấy sao? **Tử-Phòng** phò nhà Hán chỉ dùng hai hay ba phần mà thôi. **Kinh-Thư** nói: **Mưu-kế bí-mật mà tiết-lộ ra thì thất-bại**. **Tử-Phòng** cũng thường khuyên vua **Cao-Đế** và **Hàn-Tấn** như vậy. **Kinh-Thư** nói: **Oán nhỏ mà không bỏ qua thì oán lớn ắt sinh**. **Tử-Phòng** cũng dùng lời ấy để khuyên **Cao-Đế-Hậu** và **Ung-Xi**. **Kinh-Thư** nói: **Bày ra việc quyền-biến để gỡ rối**. **Tử-Phòng**

đặt ra bốn ông già (**Tứ-Hạo**) để lập vua **Huệ-Đế**. **Kinh-Thư** nói: **Chẳng gì tốt bằng biết-đủ**. **Tử-Phòng** đã chọn điều ấy để dùng riêng cho mình và tự bỏ-buộc câu-thức mình. **Kinh-Thư** nói: **Dứt điều ham-thích, ngăn điều thêm muốn để trừ phiền-lụy**. **Tử-Phòng** dùng điều ấy để bỏ việc đời, đi ngao-du theo **Xích-Tùng-Tử**. Than ôi! Bã để lại, cặn bỏ đi mà còn đủ để làm mất Tần, **Hạng** mà lập vua **Bái-Công**, hướng hồ là dùng dây-dũ, sâu-xa và bồi-bổ thêm!

— Từ nhà Hán về sau, sự học chương-cú văn-từ rất thịnh-hành, nhưng kẻ sĩ biết đạo lại thường ít có. Kẻ ăn-cư cầu chí làm điều nghĩa, hiểu thấu đạo như **Nghiêm-Lãng**, **Gia-Cát** không thể có nhiều, vì thế mà sách này không truyền cho kẻ vô đạo, chẳng phải thần, chẳng phải thánh, chẳng phải hiền.

*Lìa có, lìa không gọi là Đạo
Chẳng có, chẳng không gọi là Thần
Có mà không gọi là Thánh.
Không mà có gọi là Hiền*

(Lý hữu, lý vô chỉ vị đạo, phi hữu phi vô chỉ vị thần, hữu nhi vô chỉ vị thánh, vô nhi hữu chỉ vị hiền).

Nếu chẳng phải hạng người ấy, đâu có tụng hằng ngày sách này cũng không thể lãnh-hội mà tự thi-hành được.

*Triều Đại-Minh, niên-hiệu Vạn-Lịch, năm Mậu-Tý,
mùa thu, Triệu-văn-Túc ghi chép.*



黃石公素書

HUỖNH · THẠCH · CÔNG · TỔ · THƯ

原始章第一

NGUYỄN · THỦY · CHƯƠNG · ĐỆ · NHỨT

- 夫道徳仁義禮五者一
 1. — Phù đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, ngũ giả, nhất
 體也
 thể giả.
- 道者人之所蹈使萬物
 2. — Đạo giả nhân chi sở đạo, sử vạn vật
 不知其所由
 bất tri kỳ sở do.
- 徳者人之所得被萬物
 3. — Đức giả nhân chi sở đắc, bị vạn vật
 各得其所欲
 các đắc kỳ sở dục.
- 仁者人之所親有慈惠
 4. — Nhân giả nhân chi sở thân, hữu từ huệ
 惻隱之心以遂其生成
 trắc ẫn chí tâm, dĩ toại kỳ sinh thành.

SÁCH TỔ-THƯ CỦA HOÀNG-THẠCH-CÔNG

CHƯƠNG THỨ NHẤT: NGUYỄN-THỦY

1. — Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, năm điều ấy thuộc về một thể.

2. — Đạo ⁽¹⁾ là cái đường mà người ta bước theo, sai-khiến tất cả vạn-vật không biết do theo đâu mà đi.

3. — Đức ⁽²⁾ là cái mà người ta được nơi mình, bao trùm mọi việc, làm cho tất cả đều được như ý muốn của mình.

4. — Nhân là điều mà người ta thường mến, là sự có lòng từ-bi, thường xót dễ làm tội lỗi muôn loài sinh ra trong trời đất ⁽³⁾.

(1) Đạo là luật biến-hóa chung của vũ-trụ (lời universelle) cái-quản muôn loài.

(2) Đức là quyền-năng thiêng-liêng của các bậc thánh, nhờ đó mà họ làm việc gì cũng dễ thành-công.

(3) Có ý nói rằng lòng nhân thấm-nhuần tới côn-trùng, cây cỏ.

5. — Nghĩa giả nhân chi sở nghi, thưởng thiện phạt
 ác dĩ lập công lập sự.
6. — Lễ giả nhân chi sở lý, túc hưng dạ
 寐 dĩ thành nhân luân chi tự.
7. — Tín túc dĩ nhất dị, nghĩa túc dĩ đắc
 衆德足以懷遠才足以
 鑑古明足以下此人
 chi tuấn giả.
8. — Hạnh túc dĩ vi nghi, biền trí túc dĩ
 決嫌疑信可以守約廉
 quyết hiềm nghi, tín khả dĩ thủ ước, liêm
 可以使分財此人豪
 khả dĩ sử phân tài, thử nhân chi hào
 也 giả.

5. — Nghĩa là điều mà người ta nên theo, như là thưởng-
 thường điều thiện, trừng-phạt điều ác để làm nên việc.

6. — Lễ là cái qui-cử mà người ta theo, như là sớm dậy tối
 ngủ, để thành ra cái luân-thường thứ-tự của con người.

7. — Tín phải đủ để chỉ có riêng một lòng mà thôi, nghĩa
 phải đủ để người ta theo mình, đức phải đủ để người mong nhớ
 nơi xa, tài phải đủ để noi gương người xưa, minh-mẫn phải đủ
 để soi xuống dưới, người có đủ điều-kiện trên là bậc anh-tuấn.

8. — Hạnh phải đủ để làm khuôn phép, trí phải đủ để dứt
 hiềm-nghi, tín phải có để giữ hẹn, liêm phải có để sai-khiến phân-
 phối của-cái, người có đủ điều-kiện trên là bậc anh-hào.

9. — 守職而不廢處義而不
 Thủ chức nhi bất phế xử nghĩa nhi bất
 回見嫌而不苟免見利
 hồi kiến hiềm nhi bất câu miễn kiến lợi
 而不苟得此人
 nhi bất câu đắc thử nhân chi
 儻也
 giã.

求人之志章第二

CẦU NHÂN CHI CHÍ CHƯƠNG ĐỆ NHỊ

10. — 夫欲爲人之本不可無
 Phu dục vi nhân chi bản bất khả vô
 一焉
 nhất yên.

11. — 賢人君子明於盛衰之
 Hiền nhân quân tử minh ư thịnh suy chi
 道通乎成敗之數審乎
 đạo thông hồ thành bại chi số thẩm hồ
 治亂之勢達乎去就之
 trị loạn chi thế đạt hồ khứ tựu chi
 理故潛居抱道以待其
 lý cố tiềm cư bảo đạo dĩ đãi kỳ
 時
 thời.

9. — Giữ chức-vụ mà không bỏ phế, xử-sự theo chánh-nghĩa mà không đổi lòng, thấy điều hiềm-nghi mà không miễn-chấp bừa bãi, thấy điều lợi mà không lấy bừa-bãi, người có đủ điều-kiện trên là bậc anh-kiệt.

CHƯƠNG THỨ HAI:

CẦU CHÍ-HƯỚNG CỦA NGƯỜI

10. — Muốn tạo ra căn-bản cho người, chẳng thể không một vậy ⁽¹⁾.

11. — Hiền-nhân, quân-tử hiểu rõ cái đạo thịnh-suy, thông-suốt cái số-mệnh thành bại, xét cái thể trị-loạn, hiểu thấu cái lý tan hợp, cho nên ăn-nấu giữ đạo để chờ thời.

(1) Một đây có nghĩa là cái thể độc-nhất chưa phân-tán thành năm phần là đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ. (Xem câu đầu chương thứ nhất).

若 時 至 而 行 則 能 極 人
 12.- Như ợc thời chí nhi hành, tác năng cực nhàn-
 臣 之 位 得 機 而 動 則 能
 thần chi vị, đắc cơ nhi động tác năng
 成 絕 代 之 功
 thành tuyệt đại chi công.
 如 其 不 遇 沒 身 而 已
 13.- Như kỳ bất ngộ, diệt thân nhi dĩ.
 是 以 其 道 足 高 而 名 重
 14.- Thị dĩ kỳ đạo túc cao, nhi danh trọng
 於 後 代
 ư hậu đại.

正 道 章 第 三

CHÁNH-ĐẠO CHƯƠNG ĐỆ TAM

絕 嗜 禁 欲 所 以 除 累
 15.- Tuyệt thị cấm dục sở dĩ trừ lũy.
 抑 非 損 惡 所 以 讓 過
 16.- Ưc phi quyền ác sở dĩ nhượng quá.
 貶 酒 闕 色 所 以 無 污
 17.- Biếm tửu quyết sắc sở dĩ vô ô.
 避 嫌 遠 疑 所 以 無 誤
 18.- Tị hiềm viễn nghi sở dĩ vô ngộ.
 博 學 切 問 所 以 廣 知
 19.- Bác học thiết vấn sở dĩ quảng tri.

12.- Nếu thời đã tới mà ra hành-đạo thì có thể ở địa-vị quan đại-thần tối-cao, gặp cơ-hội mà hành-động thì có thể làm nên công-nghiệp vẻ-vang nhất trên đời.

13.- Nếu không gặp thời, thì thân-thể phải chịu chìm đắm đề mà tiêu-tan.

14.- Như thế đề cho cái đạo đủ cao mà danh tiếng được lừng-lẫy đời sau.

CHƯƠNG THỨ BA:

CHÁNH-ĐẠO

15.- Dứt điều thích, ngăn điều muốn để trừ phiền-lụy.
 16.- Dãn điều trái, bỏ việc ác để từ bỏ lỗi-lầm.
 17.- Chê rượu, lánh sắc để khỏi nhuộm dơ.
 18.- Tránh điều ngờ, xa điều nghi để khỏi lầm-lạc.
 19.- Học rộng, hỏi cận-kẻ để biết nhiều.

- 高 行 微 言 所 以 修 身
20. — Cao hành vi ngôn sở dĩ tu thân.
- 恭 儉 謙 約 所 以 自 守
21. — Cung kiệm khiêm ước sở dĩ tự thủ.
- 謀 深 計 遠 所 以 不 窮
22. — Mưu thâm kế viễn sở dĩ bất cùng.
- 親 仁 友 直 所 以 扶 顛
23. — Thân nhân hữu trực sở dĩ phù điên.
- 近 恕 篤 行 所 以 接 人
24. — Cận thứ đốc hành sở dĩ tiếp nhân.
- 任 材 使 能 所 以 濟 務
25. — Nhiệm tài sử năng sở dĩ tế vụ.
- 癉 惡 斥 讒 所 以 止 亂
26. — Đàn ác xích đàm sở dĩ chi loạn.
- 推 古 驗 今 所 以 不 惑
27. — Suy cổ nghiệm kim sở dĩ bất hoặc.
- 先 揆 後 度 所 以 應 卒
28. — Tiên quỳ hậu độ sở dĩ ứng thất.
- 設 變 制 權 所 以 解 結
29. — Thiết biến chế quyền sở dĩ giải kết.
- 括 囊 順 會 所 以 無 咎
30. — Quát nang thuận hội sở dĩ vô cữu.

20. — Làm việc to lớn, nói lời nhỏ nhẹ để sửa mình.
21. — Kính-cần, dè-dặt, nhún-nhuông, tần-tiện để giữ thân.
22. — Mưu-kế sâu-xa để khỏi cùng khổn.
23. — Gần-gũi người nhân-tử, kết bạn với người ngay thẳng để giúp đỡ nhau trong lúc tai-nạn.
24. — Gần-gũi rộng-lượng, cần-thận chu-đáo để tiếp-dãi người.
25. — Bỏ-nhiệm và sử-dụng kẻ tài-năng để cho xong việc.
26. — Giận-ghét kẻ độc-ác, đuổi bỏ kẻ dèm pha để ngừa loạn.
27. — Tìm xưa xét nay để khỏi nghi-ngờ.
28. — Trước do sau lường để đối-phó các việc bất ngờ gặp rút.
29. — Bày đặt ra các việc quyền-biến để gỡ rối.
30. — Buộc túi, gập thuận để khỏi tội-lỗi (1).

(1) Về chỗ này Lưu-Bá-Ôn chú-thích như sau : Bậc quân-tử nói, nín đều hợp thời, xuất xử đều hợp đạo, buộc túi lại để chẳng ai thấy cái đẹp thuận gập để chẳng ai thấy cơ-mưu, nhờ đó mà khỏi tội-lỗi, tai-vạ.

槩 槩 梗 梗 所 以 立 功

31. — Quyết quyết ngạnh ngạnh sở dĩ lập công.

孜 孜 淑 淑 所 以 保 終

32. — Tư tư thực thực sở dĩ bảo chung.

本 德 宗 道 章 第 四

BỒN ĐỨC TÔN ĐẠO CHƯƠNG ĐỆ TƯ

夫 志 心 篤 行 之 術 長 莫

33. — Phò chí tâm đốc hành chi thuật, trường mạc

長 於 博 謀

trường ư bác mưu;

安 莫 安 於 忍 辱

34. — An mạc an ư nhẫn nhục;

先 莫 先 於 修 德

35. — Tiên mạc tiên ư tu đức;

樂 莫 樂 於 好 善

36. — Lạc mạc lạc ư hiếu thiện;

神 莫 神 於 至 誠

37. — Thần mạc thần ư chí thành;

31. — Chặt-chẽ ⁽¹⁾, vững-vàng ⁽²⁾ để lập công.

32. — Chăm lo ⁽³⁾, hiền-lành ⁽⁴⁾ để giữ-gìn chung-cuộc cho toàn vẹn ⁽⁵⁾.

(1) Theo Lưu-Bá-Ôn: Quyết-quyết là có chỗ dựa cho nên không thể lay chuyển;

(2) Ngạnh-ngạnh là có chỗ đứng nên không thể khuỷu nhiều.

(3) Tư-tư là đã gắng lại gắng thêm mãi;

(4) Thực-thực là đã lành lại càng lành thêm.

(5) Lập công không bằng giữ-gìn chung-cuộc cho vẹn-toàn.

CHƯƠNG THỨ TƯ :

DÙNG ĐỨC LÀM NỀN GỐC, LẤY ĐẠO LÀM CAO-QUÍ

33. — Về thuật làm việc hết lòng, gắng sức thì chẳng có gì lâu-dài bằng rộng mưu.

34. — Chẳng có gì yên bằng nhẫn-nhục.

35. — Chẳng có gì cần trước hơn là tu đức.

36. — Chẳng gì vui bằng mến-diêu lành.

37. — Chẳng có gì mẫu-nhiệm hơn lòng chí-thành.

	明	莫	明	於	體	物
38. -	Minh	mạc	minh	ư	thể	vật.
	苦	莫	苦	於	多	願
39. -	Khó	mạc	khó	ư	đa	nguyện.
	吉	莫	吉	於	知	足
40. -	Cát	mạc	cát	ư	tri	túc.
	悲	莫	悲	於	精	散
41. -	Bi	mạc	bi	ư	tinh	tán.
	病	莫	病	於	無	常
42. -	Bệnh	mạc	bệnh	ư	vô	thường.
	幽	莫	幽	於	貪	鄙
43. -	U	mạc	u	ư	tham	bì.
	孤	莫	孤	於	自	恃
44. -	Cô	mạc	cô	ư	tự	thị.
	危	莫	危	於	任	疑
45. -	Nguy	mạc	nguy	ư	nhiệm	ngĩ.
	敗	莫	敗	於	多	私
46. -	Bại	mạc	bại	ư	đa	tư.
	短	莫	短	於	苟	得
47. -	Đoàn	mạc	đoàn	ư	câu	đắc.

遵義章第五

TUÂN NGHĨA CHƯƠNG ĐỆ NGŨ

	以	明	示	下	者	闇
48. -	Di	minh	thị	hạ	giả	ám.

38. - Chẳng có gì sáng-suốt bằng cách xét cái thể-chất bên trong của sự vật.

39. - Chẳng có gì khổ bằng mong nhiều.

40. - Chẳng có gì tốt bằng biết đủ.

41. - Chẳng có gì đáng thương xót bằng tán tỉnh ⁽¹⁾.

42. - Chẳng có gì bệnh hơn là sự vô-thường (không chắc-chắn).

43. - Chẳng có gì ngu tối cho bằng tham-lam, keo bần.

44. - Chẳng có gì cô-dộc bằng ý mình.

45. - Chẳng có gì nguy-hiêm bằng dùng kẻ đáng nghi.

46. - Chẳng có gì dễ thất-bại bằng có óc riêng-rẽ.

47. - Chẳng có gì ngăn-ngủi bằng của vô-nghĩa (lấy bằng cách không chính-dáng).

CHƯƠNG THỨ NĂM: HÀNH-ĐỘNG THEO CHÍNH-NGHĨA.

48. - Đem sự sáng-suốt mà bày tỏ cho kẻ dưới rõ là ngu tối ⁽²⁾.

(1) Tinh đây là một trong ba chất quý báu tinh, khí, thần của con người, cần-thiết để giữ mạng sống lâu dài (đạo dưỡng-sanh).

(2) Đạo của thánh-hiền là trong thì sáng-suốt mà ngoài tỏ ra tối-tăm (Thánh-hiền chỉ đạo nội minh ngoại hối : Lưu-Bá-Ôn).

49. — Hữu	過	不	知	者	蔽
	quá	bất	tri	giả	tế.
50. — Mê	迷	而	不	返	惑
	nhĩ	bất	phản	giả	hoặc.
51. — Dĩ	以	言	取	怨	禍
	ngôn	thủ	oán	giả	họa.
52. — Lệnh	令	與	心	乖	廢
	dữ	tâm	quai	giả	phế.
53. — Hậu	後	令	謬	前	毀
	lệnh	mậu	tiền	giả	hủy.
54. — Nộ	怒	而	無	威	犯
	nhĩ	vô	uy	giả	phạm.
55. — Hiếu	好	直	辱	人	殃
	trực	nhục	nhân	giả	ương.
56. — Lục	戮	辱	所	任	危
	nhục	sở	nhiệm	giả	nguy.
57. — Mạn	慢	其	所	敬	凶
	kỳ	sở	kính	giả	hung.
58. — Mạo	貌	合	心	離	孤
	hợp	tâm	ly	giả	cô.
59. — Thân	親	讒	遠	中	亡
	sàm	viễn	trung	giả	vong.
60. — Cộn	近	色	遠	賢	昏
	sắc	viễn	hiền	giả	hôn.
61. — Nữ	女	謁	公	門	亂
	yết	công	môn	giả	loạn.

49. — Có lỗi mà không biết là bị che lấp.
 50. — Mê mà không tỉnh lại là lăm-lạc.
 51. — Dùng lời nói mà chuốc lấy thù-oán là tự gây tai-họa ⁽¹⁾.
 52. — Tâm-ý và mệnh-lệnh đều trái lẽ thì việc sẽ bỏ-phế (bể-tắc).
 53. — Nói-năng bừa-bãi trước rồi ra lệnh sau thì hư việc.
 54. — Nổi giận mà không có uy-tín thì sẽ bị xúc-phạm (hoặc : mang tội lẩn-lướt) ⁽²⁾.
 55. — Ưu sự ngay thẳng mà làm nhục người rồi là mua lấy tai-ương;
 56. — Trừ cái nhục (riêng) cho kẻ mà mình đang dùng là nguy-hiểm ⁽³⁾;
 57. — Ngạo-mạn đối với các bậc đáng kính ⁽⁴⁾ là việc hung-ác xấu-xa, bất lợi;
 58. — Bề ngoài thì hợp ý, mà trong lòng thì xa cách, như thế là lẽ loi;
 59. — Gắn-gói kẻ dèm pha, xa cách người trung-trực thì bị diệt-vong;
 60. — Gắn sắc đẹp mà xa người hiền là ngu tối;
 61. — Gái đến cửa công thì loạn;

(1) Làm mà dám nói ra, đó là quyền tại mình mà họa tại người; nói mà không làm được, đó là quyền tại người, họa tại mình (Lưu-Bá-Ôn).

(2) Văn-Vương không nói lớn mà bốn nước đều sợ uy-nghị (Lưu-Bá-Ôn). Không-Tử nói: Không cần nổi giận mà dân cũng phải sợ cái uy-lực của ; hủ - lệnh (Bất nộ nhi dân uy ư thiết-việt).

(3) Báo-thù riêng cho kẻ dưới tay là nguy-hiểm.

(4) Có ba bậc đáng kính: bậc có tuổi-tác, bậc có tước-vị, bậc có đức-hạnh.

62. —	私	人	以	官	者	浮	
	Tư	nhân	dĩ	quan	giả	phù	
63. —	凌	下	取	勝	者	侵	
	Lăng	hạ	thủ	thắng	giả	xâm	
64. —	名	不	勝	實	者	耗	
	Danh	bất	thắng	thực	giả	hao	
65. —	略	己	而	責	人	者	不
	Lược	kỷ	nhĩ	trách	nhân	giả	bất
66. —	自	厚	而	薄	人	者	棄
	Tự	hậu	nhĩ	bạc	nhân	giả	khí
67. —	以	過	棄	功	者	損	羣
	Di	quá	khí	công	giả	tôn	quần
68. —	下	外	異	者	淪	亡	
	Hạ	ngoại	dị	giả	luân	vong	
69. —	既	用	不	任	者	疏	
	Kỷ	dụng	bất	nhiệm	giả	sơ	
70. —	行	賞	吝	色	者	沮	
	Hành	thưởng	lận	sắc	giả	trở	
71. —	多	許	少	與	者	怨	
	Đa	hứa	thiểu	dữ	giả	oán	
72. —	既	迎	而	拒	者	乖	
	Kỷ	nginh	nhĩ	cự	giả	quai	
73. —	薄	施	厚	望	者	不	報
	Bạc	thí	hậu	vọng	giả	bất	báo
74. —	貴	而	忘	賤	者	不	久
	Quý	nhĩ	vong	tiện	giả	bất	cửu

治
之

62. — Dùng người có lòng tư-kỷ để làm việc quan (công-ích) thì không chắc-chắn ;

63. — Lấn-lướt kẻ dưới để chiếm phần thắng là xâm-phạm ;

64. — Danh mà không hơn thực thì hao-tồn⁽¹⁾ ;

65. — Sơ-sài⁽²⁾ đối với mình mà lại trách-phạt người thì không thể trị yên.

66. — Kẻ dày với mình mà mỏng với người thì nên bỏ họ mà đừng dùng.

67. — Xét điều lỗi mà vứt bỏ công-lao của người thì tổn-hại tới quần-chúng.

68. — Kẻ dưới và người ngoài ai ai cũng khác lòng thì phải luân vong.

69. — Đa dùng mà không tín-nhiệm thì lạt-lẽo.

70. — Thường mà hẹp-hòi thì hỏng việc.

71. — Hứa nhiều mà cho ít thì sinh oán.

72. — Đa tiếp-đón mà lại phản-đối thì trái lẽ.

73. — Làm ít mà trông mong nhiều thì không kết-quả.

74. — Sang mà quên hèn thì chẳng lâu.

(1) Thực-lực là chỗ nương-tựa của thịnh-danh, thịnh-danh đem lại uy-quyền cho thực-lực ; nhiều thực-lực mà ít thịnh-danh thì khó thành sự-nghiệp, vậy danh phải đi đôi với thực (Lưu-Bá-Ôn).

(2) Rộng-lượng tha-thứ đối với mình.

75. — **念** **舊** **惡** **而** **棄** **新** **功** **者** **凶**
Niệm cựu ác nhi khí tân công giả hung.
76. — **用** **人** **不** **得** **正** **者** **殆**
Dùng nhân bất đắc chính giả dãi.
77. — **強** **用** **人** **者** **不** **畜**
Cường dụng nhân giả bất súc.
78. — **爲** **人** **擇** **官** **者** **亂**
Vi nhân trạch quan giả loạn.
79. — **失** **其** **所** **強** **者** **弱**
Thất kỳ sở cường giả nhược.
80. — **決** **策** **於** **不** **仁** **者** **險**
Quyết sách ư bất nhân giả hiểm.
81. — **陰** **計** **外** **泄** **者** **敗**
Âm kế ngoại tiết giả bại.
82. — **厚** **斂** **薄** **施** **者** **凋**
Hậu liễm bạc thí giả điêu.
83. — **戰** **士** **貧** **遊** **士** **富** **者** **衰**
Chiến sĩ bần du sĩ phú giả suy.
84. — **貨** **賂** **公** **行** **者** **昧**
Hóa lộ công hành giả muội.
85. — **聞** **善** **忽** **畧** **記** **過** **不** **忘** **者**
Văn thiện hốt lược ký quá bất vong giả.
86. — **暴** **所** **任** **不** **可** **信** **所** **信** **不** **可**
Bạo sở nhiệm bất khả tín sở tín bất khả.

75. — Nhớ lỗi cũ mà vứt bỏ công mới là điều chẳng lành.
76. — Dùng người không được chính-đáng là điều nguy.
77. — Cường-bách người mà dùng thì họ chẳng thuận theo.
78. — Vì người mà chọn họ làm quan thì loạn.
79. — Mất những điểm mạnh của mình thì trở nên yếu.
80. — Sự quyết-định chính-sách mà ở trong tay kẻ bất-nhân thì nguy-hiểm.
81. — Kế-hoạch bí-mật mà tiết-lộ ra ngoài thì thất-bại.
82. — Thu vào nhiều mà chi ra ít thì hỏng việc.
83. — Chiến-sĩ thì nghèo, kẻ đi chơi rong mà giàu ắt là nước phải suy-vong.
84. — Dùng của dút lột việc công là ám-muội.
85. — Nghe điều thiện mà không lưu ý, lại không quên lỗi cũ của người, đó là bạo-ngược.
86. — Đa dùng mà không tin, đã tin mà không dùng, là lộn-xộn.

- 牧人以德者集
87. - Mục nhân dĩ đức giả tập.
繩人以刑者散
88. - Thằng nhân dĩ hình giả tán.
小功不賞則大功不立
89. - Tiểu công bất thưởng tắc đại công bất lập.
小怨不赦則大怨必生
90. - Tiểu oán bất xá tắc đại oán tất sinh.
賞不服人罰不甘心者
91. - Thưởng bất phục nhân, phạt bất cam tâm giả
叛.
bạn.
賞及無功罰及無罪者
92. - Thưởng cập vô công, phạt cập vô tội giả
酷.
khốc.
聽讒而美聞諫而仇者
93. - Thính sàm nhi mỹ văn gián nhi cừ giả
亡.
vong.
能有其有者安
94. - Năng hữu kỳ hữu giả an.
貪人之有者殘
95. - Tham nhân chi hữu giả tàn.

87. - Dùng đức mà nuôi người thì họ sẽ tụ-tập.

88. - Dùng hình-pháp để trói buộc người thì họ sẽ phân-tán.

89. - Công nhỏ mà không thưởng thì không ai chịu lập công lớn.

90. - Không bỏ qua oán nhỏ thì oán lớn sẽ sinh ra.

91. - Thưởng mà người không phục, phạt mà người không vui chịu thì họ sẽ làm phản.

92. - Thưởng cho tới kẻ vô công, phạt cho tới kẻ vô tội là khốc-hại.

93. - Nghe dèm-pha mà vui, nghe can-ngăn mà hờn giận, là sẽ thất bại.

94. - Thường giữ cái mình sẵn có là yên.

95. - Tham của người là tàn-hại.

安禮章第六

AN LỄ CHƯƠNG ĐỀ LỤC

96. — Phúc tại tích thiện, họa tại tích ác.
97. — Oán tại bất xá tiểu quá, hoạn tại bất
98. — Cơ tại tiện nông, hàn tại nạn chước.
99. — An tại đắc nhân, nguy tại thất sĩ.
100. — Phú tại nghinh lai, bần tại khí thời.
101. — Thượng vô thường thao, hạ đa nghi tâm.
102. — Khinh thượng sinh tội, vũ hạ vô thân.
103. — Cận thần bất trọng, viên thần khinh chí.
104. — Tự nghi bất tín nhân, tự tín bất nghi
105. — Uổng sĩ vô chính hữu, khúc thượng vô trực
- 下 họ.

CHƯƠNG THỨ SÁU: AN-LỄ

96. — Phúc sinh nhờ chứa thiện, họa sinh vì tích ác.
97. — Oán sinh vì không bỏ qua lỗi nhỏ, mối lo-hại sinh ra vì không tính trước mưu-kế.
98. — Đói vì khinh rẻ nghề nông, rét vì lười dệt.
99. — Yên nhờ được người, nguy vì mất kẻ sĩ.
100. — Giàu nhờ nghinh-tiếp việc xây tới, nghèo vì bỏ lỡ thời-cơ.
101. — Bậc trên hành-dộng vô-thường thì kẻ dưới sẽ sinh lòng nghi-ky.
102. — Khinh lờn bề trên thì sinh tội, lẳng-nhục kẻ dưới thì họ chẳng gần-gũi mến yêu.
103. — Bề tôi gần mà không trọng mình thì bề tôi xa sẽ khinh mình.
104. — Tự nghi mình thì không tin người, tự tin mình thì không nghi người.
105. — Kẻ sĩ có tà-tâm thì không có bạn chánh-đáng, bề trên mà cong vạy thì kẻ dưới không ngay thẳng.

危 國 無 賢 人 亂 政 無 善
106. — Nguy quốc vô hiền nhân, loạn chánh vô thiện

人
nhân.

愛 人 深 者 求 賢 急 樂 得
107. — Ái nhân thâm giả cầu hiền cấp, lạc đắc

賢 者 養 人 厚
hiền giả dưỡng nhân hậu.

國 將 霸 者 士 皆 歸 邦 將
108. — Quốc tương bá giả sĩ giai qui, bang tương

亡 者 賢 先 避
vong giả hiền tiên li.

地 薄 者 大 物 不 產 水 淺
109. — Địa bạc giả đại vật bất sản, thủy thiên

者 大 魚 不 遊 樹 禿 者 大
giả đại ngư bất du, thụ秃 giả đại

禽 不 棲 林 疏 者 大 獸 不
cầm bất thê, lâm sơ giả đại thú bất

居
cư.

山 峭 者 崩 澤 滿 者 溢
110. — Sơn tiêu giả bang, trạch mãn giả dật.

棄 玉 抱 石 者 盲 羊 質 虎
111. — Khí ngọc bảo thạch giả mãnh dương chất hồ

皮 者 飾 舉 領 者 倒 走 不 視
bì giả sức, cử lãnh giả đảo, tẩu bất thị

衣 不 舉 領 者 倒 走 不 視
112. — Y bất cử lãnh giả đảo, tẩu bất thị

地 者 顛
địa giả điên.

地 者 顛
địa giả điên.

地 者 顛
địa giả điên.

地 者 顛
địa giả điên.

地 者 顛
địa giả điên.

106. — Nước ở cảnh nguy-biến thì không có người lành.

107. — Mến người sâu xa thì cầu hiền gấp, vui được người hiền thì nuôi người trọng-hậu.

108. — Nước sắp làm bá-chủ thì kẻ sĩ đều về giúp, nước sắp mất thì người hiền đã xa lánh trước.

109. — Đất mà xấu thì vật lớn không sanh, nước mà cạn thì cá lớn không lội, cây mà trụi lá thì chim lớn không đậu, rừng mà thưa cây thì thú lớn không ở.

110. — Núi mà cao vút thì sẽ đổ, hồ mà đầy nước thì sẽ tràn.

111. — Bỏ ngọc giữ đá là có mắt không người, thân dê đội lột cạp thì chỉ lờ-loẹt bề ngoài mà thôi.

112. — Cầm áo mà không cầm nơi cổ thì áo sẽ gặp xuống, chạy mà không nhìn đất thì sẽ vấp ngã.

柱 弱 者 屋 壞 輔 弱 者 國
113. - Trụ nhược giả ốc hoại, phụ nhược giả quốc

傾
khuyh.

足 寒 傷 心 人 怨 傷 國
114. - Túc hàn thương tâm, nhân oán thương quốc.

山 將 崩 者 土 先 隳 國 將
115. - Sơn tương băng giả thổ tiên huy, quốc tương

衰 者 人 先 斃
suy giả nhân tiên tẽ.

根 枯 枝 朽 人 困 國 殘
116. - Căn khô chi hủ, nhân khôn quốc tàn.

與 覆 車 同 軌 者 傾 與 亡
117. - Dữ phúc xa đồng quỹ giả khuyh, dư vong

國 同 轍 者 滅
quốc đồng triệt giả diệt.

見 已 失 者 慎 將 失 惡 其
118. - Kiến dĩ thất giả thận, tương thất ố kỳ

迹 者 預 避 之 畏 亡 者 存
tích giả dự tỵ chi. úy vong giả tồn.

畏 危 者 安 所 行 有 道 則 吉
119. - Úy nguy giả an, sở hành hữu đạo tắc cát,

夫 人 之 所 凶 吉 者 道 百 福 所
120. - Phu nhân chi sở hành hung. Cát giả bách phúc sở

無 道 則 凶 者 百 禍 所 鍾
vô đạo tắc hung. giả bách họa sở chung.

歸 凶 者 自 然 所 鍾
qui, hung giả tự nhiên sở chung.

神 聖 自 然 所 鍾
thần thánh tự nhiên sở chung.

113. - Cột yếu thì nhà sẽ sập, bề tôi phò-tá mà yếu thì nước nghiêng đổ.

114. - Chân lạnh thì hại tim, dân oán-hận thì hại nước.

115. - Núi sắp đổ thì đất đá lở trước, nước sắp suy yếu thì dân đã bị nạn chết.

116. - Rễ khô thì cành mục, dân khốn-đốn thì nước điêu-tàn.

117. - Núi theo xe lật thì sẽ bị ngã, ở theo nước mất thì sẽ bị diệt.

118. - Xem việc đã thất-bại rồi mà thận-trọng, thấy việc sắp thất-bại thì phải sợ dẫm vết chân mà lo tránh trước đi.

119. - Sợ nguy thì yên, sợ mất thì còn.

120. - Người mà làm việc có đạo-lý thì tốt, làm việc không có đạo-lý thì xấu. Nếu tốt thì trăm điều may sẽ tới, nếu xấu thì trăm điều rủi sẽ dồn-đập vào, chẳng phải nhờ thần-thánh nào mà việc cũng tự-nhiên xảy tới như thế.

- 務善策者無惡事無遠
121.— Vụ thiện sách giả vô ác sự, vô viển
慮者有近憂
lự giả hữu cận ưu.
同志相得
122.— Đồng chí tương đắc
同仁相憂
123.— Đồng nhân tương ưu
同智相謀
124.— Đồng trí tương mưu
同惡相黨
125.— Đồng ác tương đảng
同愛相求
126.— Đồng ái tương cầu
同美相妒
127.— Đồng mỹ tương đố
同貴相害
128.— Đồng quý tương hại
同利相忌
129.— Đồng lợi tương kỵ
同聲相應
130.— Đồng thanh tương ứng
同氣相感
131.— Đồng khí tương cảm
同類相依
132.— Đồng loại tương y

121.— Chuyên dùng kế lành thì không xảy việc dữ, không lo xa thì sẽ rầu gần.

122.— Cùng chí thì hợp nhau.

123.— Cùng nhân-tử thì chung lo.

124.— Cùng trí-thức thì mưu-đồ chung.

125.— Cùng làm ác thì kết bè đảng.

126.— Cùng mến thì tìm nhau.

127.— Cùng vẻ đẹp thì ghét nhau.

128.— Cùng quý một vật thì hại nhau.

129.— Cùng lợi thì kỵ (sợ) nhau.

130.— Cùng lời nói thì hưởng-ứng nhau.

131.— Cùng chí thì cảm mến nhau.

132.— Cùng loại thì nương nhau.

同義相親

133. - Đồng nghĩa tương thân

同難相濟

134. - Đồng nạn tương tế

同道相成

135. - Đồng đạo tương thành

同藝相窺

136. - Đồng nghiệp tương khuy

同巧相勝

137. - Đồng xảo tương thắng

此乃數之所得不可與

138. - Thử nãi số chi sở đắc bất khả dũ

理違

lý vi.

釋己而教人者逆正己

139. - Thích kỷ nhi giáo nhân giả nghịch, chính kỷ

而化人者順

nhi hóa nhân giả thuận.

逆者難從順者易行難

Nghịch giả nan tòng, thuận giả dị hành; nan

從則亂易行則理如此

tòng tắc loạn, dị hành tắc lý. Như thử

理身理家理國可也

lý thân, lý gia, lý quốc khả giả.

— 終 —

133. - Cùng chính-nghĩa thì gần-gũi nhau.

134. - Cùng nạn thì giúp nhau.

135. - Cùng đạo thì chung xây-dựng.

136. - Cùng nghề thì dò nhau.

137. - Cùng khéo thì tranh nhau.

138. - Ấy là cái điều mà mình được theo cổ-mệnh như thế, không thể đi ngược với lý-lẽ ấy.

139. - Bỏ bề không dạy mình mà đi dạy người là nghịch, sửa mình mà dạy người là thuận. Nghịch thì khó theo, thuận thì dễ làm; khó theo thì loạn, dễ làm thì yên trị. Như thế có thể trị mình, trị nhà, trị nước vậy.

- HẾT -

Bùa nhịn cơm của Trương-Lương Đại-Tiên



Uống bùa này để nhịn ăn cơm đã được nhiều người kinh-nghiệm thấy rất đúng, ngàn lần, muôn lần.

Mỗi sáng sớm, xoay mặt về hướng đông-nam lấy giấy trắng, bút mới, mực mới, vẽ bùa bảy lá, sáng uống ba lá, chiều uống bốn lá. Đốt bùa trong chén, rót nước trà vào, uống тро vào bụng, mỗi ngày bảy lần, liên-tiếp trong bảy ngày cộng lại tất cả là bốn mươi chín lần.

Từ đó trở về sau không uống bùa trong bảy ngày, nếu thấy bụng đói, ăn sơ-sài một ít khoai lang (phiến thử), củ môn (vu đầu), dưa, rau, quả tươi hoặc uống nước mè (vừng) nấu sôi trăm lần (chỉ ma thang bách cỏ thủy) để thông ruột và bao-tử, không nên ăn miến (bún) hoặc gạo. Nếu đã lỡ ăn gạo hay miến thì phải uống bùa bốn mươi chín lần trở lại như từ đầu. Tuyệt-đối cấm việc phòng the.

Lúc vẽ bùa cần phải niệm hai câu thần-chú. Mỗi lần vẽ một lá bùa thì niệm một quyết-chú sau này:

三	陰	三	陽	加	一	點
Tam	âm	tam	dương	gia	nhất	điểm
點	墨	成	丹	辟	穀	符
Điểm	mực	thành	đơn	tịch	cốc	phù

Có nghĩa là: Ba âm ba dương thêm một điểm; điểm mực thành thuốc bùa nhịn cơm.

Sớm chiều mỗi lần đốt bùa lại niệm bốn câu thần-chú. Đốt một lá bùa thì niệm quyết-chú sau này:

奉	天	濟	世	壽	榕	符
Phụng	Thiên	tế	thế	thọ	dung	phù
點	墨	成	丹	辟	穀	菰
Điểm	mực	thành	đơn	tịch	cốc	cô
開	合	陰	陽	能	運	氣
Khai	hiệp	âm	dương	năng	vận	khí
蒸	民	乃	粒	永	無	虞
Chưng	dân	nãi	lạp	vinh	vô	ngu

Có nghĩa là: Vàng mệnh trời cứu đời bằng bùa cây đa già; điểm mực thành thuốc nhịn cơm và cô (một thứ lúa); mở-hiệp âm dương để vận khí; dân-chúng bền cho là gạo, lâu ngày chẳng phải lo-lắng.

Đàn-ông vẽ bùa uống chung với đàn-bà cũng được. Lúc đốt bùa nên thay một đàn-bà mà niệm chú.

Uống bùa này còn hơn ăn các thứ lương-thực, các thứ rau, hơn cả ăn cháo mà về sau cũng chẳng xảy ra việc gì đáng lo.

Điều cốt-yếu là khi ăn cơm trở lại, không cần hóa-giải mà chỉ cần ăn cháo trước rồi mới ăn cơm sau. Lúc đầu ăn ít, sau ăn nhiều dần, cốt yếu là chẳng nên ăn quá mau.

Khi Vua Hán-Cao-Tổ bị vây khốn ở Bạch-Dương, Trương-Lương dâng bùa này để cứu ba quân khỏi đói.

Thời Dân-Quốc kháng-chiến, để thay thế gạo cơm, lương-thực thiếu-thốn, tôi thường uống bùa này rất có hiệu-nghiệm, nên ngày nay công-khai truyền bùa ấy cho người đời, nếu may-mắn chẳng bị người cho là khoắc lặc, thì đó là điều tôi mong cầu.

Dân-Quốc Kỳ-Sửu,
Thái-Siêu-Vân ghi chép.

素書

TỔ-THƯ

太公兵法

THÁI-CÔNG BINH-PHÁP

上卷

THƯỢNG QUYỂN

TỔ-THƯ

THÁI-CÔNG BINH-PHÁP

CUỐN TRÊN

夫主將之法務學英雄

1.- Phù chủ-tướng chi pháp, vụ lăm (1) anh hùng

之心賞祿有功通志於

chí tâm, thưởng lộc (2) hữu công, thông chí ư

衆

chúng.

故與衆同好靡不成

2.- Cố: Dữ chúng đồng hảo, mĩ bất thành;

與衆同惡靡不傾

Dữ chúng đồng ố, mĩ bất khuynh.

治國安家得人也

3.- Trị quốc an gia đắc nhơn giả.

亡國破家失人也

Vong quốc phá gia thất nhơn giả.

含氣之類咸願得其志

4.- Hàm khí chi loại, hàm nguyện đắc kỳ chí.

(1) Chữ 學 cũng như chữ 攬, cũng đọc là lăm, có nghĩa là nắm giữ.

(2) Có bản viết là lục 錄 có nghĩa là ghi chép.

1.— Phép làm chủ-tướng cốt là phải nắm lấy lòng dạ các bậc anh-hùng, thưởng bổng-lộc cho kẻ có công, truyền-bá được chí-hướng của mình cho mọi người.

2.— Cho nên: Nếu cùng ưa-thích với mọi người thì chẳng có việc gì là không thành.

Nếu cùng oán ghét với mọi người thì chẳng có cái gì không thể phá đổ.

3.— Trị được nước, yên được nhà là được lòng người, làm cho nước mất nhà tan là mất lòng người.

4.— Đối với hạng người hàm-duỡng chí-khí trong lòng, ta đều nguyện cho họ được toại-chí.

軍 識 曰：

5.— Quân-Sấm viết:

柔 能 制 剛 弱 能 制 强

Nhu năng chế cương, nhược năng chế cường.

柔 者 德 也 剛 者 賊 也

Nhu giả đức giả, cương giả tặc giả.

弱 者 人 之 所 助

Nhược giả nhơn chi sở trợ.

强 者 人 之 所 攻

Cường giả nhơn chi sở công.

柔 有 所 設 剛 有 所 施

Nhu hữu sở thiết, cương hữu sở thí.

弱 有 所 用 强 有 所 加

Nhược hữu sở dụng, cường hữu sở gia.

兼 此 四 者 而 制 其 宜

Kiểm thử tứ giả nhi chế kỳ nghi.

端 末 未 見 人 莫 能 知

Đoan mạt vị kiến nhơn mạc năng tri.

6.— Doan

天 地 神 明 與 物 推 移

Thiên địa thần minh dư vật thôi di.

變 動 無 常 因 敵 轉 化

biến động vô thường. Nhân địch chuyển hóa.

不 爲 事 先 動 而 輒 隨

bất vi sự tiên, động nhi triếp tùy.

故 能 圖 治 無 疆 扶 成 天

bất năng đồ trị vô cương, phù thành thiên.

7.— Cổ

5.— Sách Quân-Sấm ⁽¹⁾ nói rằng:

Mềm trị được cứng, yếu trị được mạnh.

Kẻ mềm là có đức, kẻ cứng là giặc cướp.

Kẻ yếu là kẻ mà người ta giúp-dỡ.

Kẻ mạnh là kẻ mà người ta đánh phá.

Mềm cũng có chỗ xây-dựng được, cứng cũng có chỗ mà ta cấp thêm cho.

Kiểm bốn điều ấy mà chế-biến cho thích-nghĩ.

6.— Đầu đuôi chưa thấy thì người ta chẳng có thể biết. Trời đất và thần-linh cùng với vạn-vật mà dời đổi, biến-động vô thường. Nên phải theo dịch mà chuyển-hóa, chẳng nên làm theo việc trước (chẳng noi theo việc đã qua), phải vận-động mà tùy theo cơ-hội.

7.— Cho nên việc binh-trị có thể mưu-dở vô giới-hạn, giúp

(1) Sách ghi chép những kinh-nghiem về quân-sự.

威 康 正 八 極 密 定 九 夷
uy, khang chính bát cực, mật định cửu di,

如 此 謀 者 爲 帝 王 師
như thử mưu giả, vi Đế-Vương sư.

故 曰 :

8. — Có viết :

莫 不 貪 強 鮮 能 守 微
Mạc bất tham cường, tiên năng thủ vi,

若 能 守 微 乃 保 其 生
Nhược năng thủ vi, nãi bảo kỳ sinh.

聖 人 存 之 以 應 事 機
Thánh-nhơn tồn chi dĩ ứng sự cơ,

舒 之 彌 四 海
Thư chi dĩ tứ hải,

卷 之 不 盈 杯
Quyển chi bất doanh bôi,

居 之 不 以 室 宅
Cư chi bất dĩ thất trạch,

守 之 不 以 城 郭
Thủ chi bất dĩ thành quách,

藏 之 胸 臆 而 敵 國 服
Tàng chi hung ức nhi địch quốc phục.

軍 識 曰 :

9. — Quân-Sâm viết :

能 柔 能 剛 其 國 彌 光
Năng nhu năng cương, kỳ quốc dĩ quang.

nên thiên-uy, sửa trị tám cõi được tốt lành, định yên chín rợ được mật nhiệm, mưu-lính như thế là thầy của bậc Đế-Vương.

8. — Cho nên mới nói rằng :

Chẳng có ai mà không tham mạnh, ít có ai mà giữ được điều nhỏ-nhặt.

Vì bằng giữ được điều nhỏ-nhặt, thì có thể bảo-toàn được sinh-dân.

Thánh-nhơn giữ điều nhỏ-nhặt ấy để đối-ứng với việc đời và cơ trời.

Buông điều nhỏ-nhặt ấy ra thì đầy bốn biển.

Thâu tóm nó lại thì không đầy một chén.

Chứa trữ nó mà không cần nhà cửa,

Giữ gìn nó mà không cần thành quách.

Dẫu nó trong lòng mà nước địch phải hàng-phục.

9. — Sách Quân-Sâm nói rằng :

Mềm được, cứng được thì nước nhà càng sống-lạng.

威 康 正 八 極 密 定 九 夷
uy, khang chính bát cực, mật định cửu di,

如 此 謀 者 爲 帝 王 師
như thử mưu giả, vi Đế Vương sư.

故 曰 :

8. — Cổ viết :

莫 不 貪 強 鮮 能 守 微
Mạc bất tham cường, tiên năng thủ vi,

若 能 守 微 乃 保 其 生
Nhược năng thủ vi, nãi bảo kỳ sinh,

聖 人 存 之 以 應 事 機
Thánh-nhơn tồn chi dĩ ứng sự cơ,

舒 之 彌 四 海
Thư chi dĩ tứ hải,

卷 之 不 盈 杯
Quyển chi bất doanh bôi,

居 之 不 以 室 宅
Cư chi bất dĩ thất trạch,

守 之 不 以 城 郭
Thủ chi bất dĩ thành quách,

藏 之 胸 臆 而 敵 國 服
Tàng chi hung ức nhi địch quốc phục.

軍 識 曰 :

9. — Quân - Sám viết :

能 柔 能 剛 其 國 彌 光
Năng nhu năng cương, kỳ quốc dĩ quang.

nền thiên-uy, sửa trị tám cõi được tốt lành, định yên chín rợ được mật nhiệm, mưu-lính như thế là thầy của bậc Đế-Vương.

8. — Cho nên mới nói rằng :

Chẳng có ai mà không tham mạnh, ít có ai mà giữ được điều nhỏ-nhặt.

Vì bằng giữ được điều nhỏ-nhặt, thì có thể bảo-loàn được sinh-dân.

Thánh-nhơn giữ điều nhỏ-nhặt ấy để đối-ứng với việc đời và cơ trời.

Buông điều nhỏ-nhặt ấy ra thì đầy bốn biển.

Thâu tóm nó lại thì không đầy một chén.

Chứa trữ nó mà không cần nhà cửa,

Giữ gìn nó mà không cần thành quách.

Dầu nó trong lòng mà nước địch phải hàng-phục.

9. — Sách Quân-Sám nói rằng :

Mềm được, cứng được thì nước nhà càng sáng-lạng.

能 弱 能 强 其 國 彌 彰
Năng nhược năng cường, kỳ quốc di chương.

純 柔 純 弱 其 國 必 削
Thuần nhu thuần nhược, kỳ quốc tất tước.

純 剛 純 强 其 國 必 亡
Thuần cương thuần cường, kỳ quốc tất vong.

10. — 夫 爲 國 之 道 恃 賢 與 民
Phù vi quốc chi đạo thị hiền dữ dân,

信 賢 如 腹 心 使 民 如 四
tín hiền như phúc tâm, sử dân như tứ

肢 則 策 無 遺 所 適 如 肢
chi, tắc sách vô di, sở thích như chi

體 相 隨 骨 節 相 救 天 道
thể tương tùy, cốt tiết tương cứu, thiên đạo

自 然 其 巧 無 間
tự nhiên kỳ xảo vô gián.

11. — 軍 國 之 要 察 衆 心 施 百
Quân quốc chi yếu, sát chúng tâm, thi bách

務 :

vụ :

危 者 安 之
Nguy giả an chi ;

懼 者 歡 之
Cụ giả hoan chi ;

叛 者 還 之
Bản giả hoàn chi ;

Yếu được, mạnh được thì nước nhà càng rực rỡ.

Mềm mãi, yếu mãi thì nước nhà ắt bị cắt xén.

Cứng mãi, mạnh mãi thì nước nhà ắt bị mất.

10. — Cái đạo trị nước là nhờ cậy vào người hiền và dân-chúng, tin người hiền như lòng dạ, sai-khiến người dân như tay chơn thì chánh-sách sẽ không thiếu-sót, nếu sự thích-nghĩ đồng như tay chân và thân-thể nối liền nhau, các khớp xương giúp nhau thì đạo trời lưu-hành tự-nhiên và sự xảo-diệu xảy ra thường-xuyên.

11. — Điều cốt yếu của việc binh và việc nước là xét lòng dạ của dân-chúng để thi-hành trăm việc :

Ai nguy-khốn thì làm cho họ yên-ôn ;

Ai lo sợ thì làm cho họ vui-vẻ ;

Ai phản-bội thì làm cho họ quay về ;

冤	者	原	之
Oan	giả	nguyên	chi ;
訴	者	察	之
Tổ	giả	sát	chi ;
卑	者	貴	之
Ty	giả	quý	chi ;
強	者	抑	之
Cường	giả	ức	chi ;
敵	者	殘	之
Địch	giả	tàn	chi ;
貪	者	豐	之
12.— Tham	giả	phong	chi ;
欲	者	使	之
Dục	giả	sử	chi ;
畏	者	隱	之
Uy	giả	án	chi ;
謀	者	近	之
Mưu	giả	cận	chi ;
讒	者	覆	之
Sàm	giả	phúc	chi ;
毀	者	復	之
Hủy	giả	phục	chi ;
反	者	廢	之
Phản	giả	phế	chi ;
橫	者	挫	之
Hoành	giả	tỏa	chi ;

Ai bị tội oan thì làm cho họ thỏa-nguyên ;

Ai kêu nài thì nên xét ;

Kẻ thấp nên quý ;

Kẻ mạnh nên ức-chế ;

Ai chống đối thì giết đi.

(Đó là 8 phép trị dân)

12.— Ai tham thì cho họ đầy đủ ;

Ai có điều thềm muốn thì dùng họ ;

Ai sợ-hãi thì che dấu họ ;

Ai có mưu-kế thì ở gần họ ;

Ai dèm pha thì lật đổ họ ;

Ai nói xấu thì trả điều xấu về họ ;

Ai phản-phúc thì bỏ đi ;

Ai ngang-ngược thì kiềm-tỏa lại ;

滿	者	損	之
Mãn	giả	tổn	chi;
歸	者	招	之
Qui	giả	chiêu	chi;
服	者	活	之
Phục	giả	hoạt	chi;
降	者	脫	之
Hàng	giả	thoát	chi;
獲	固	守	之
13. — Hoạch	cố	thủ	chi;
獲	阨	塞	之
Hoạch	ách	tắc	chi;
獲	難	屯	之
Hoạch	nan	đôn	chi;
獲	城	割	之
Hoạch	thành	cát	chi;
獲	地	裂	之
Hoạch	địa	liệt	chi;
獲	財	散	之
Hoạch	tài	tán	chi;
敵	動	伺	之
14. — Địch	động	tý	chi;
敵	近	備	之
Địch	cận	bị	chi;
敵	强	下	之
Địch	cường	hạ	chi;

Ai tự mãn thì làm tổn-hại họ ;

Ai thuận theo về thì vờì họ lại ;

Ai theo ta thì nuôi họ sống ;

Ai về hàng ta thì giải-thoát họ.

(Đó là 12 phép trị tướng)

13. — Được chỗ vững thì giữ ;

Được chỗ hiểm thì ngăn chặn ;

Được chỗ khó thì đóng đồn ;

Được thành thì cắt cho tướng giữ ;

Được đất thì phân chia cho người ở ;

Được của thì chia dùng.

(Đó là 6 điều xử-trí khi thắng trận)

14. — Địch hoạt-dộng thì ta dò xét chúng ;

Địch ở gần thì ta phòng-bị ;

Địch mạnh thì ta hạ chúng xuống ;

敵	佚	去	之
Địch	dật	khứ	chí;
敵	陵	待	之
Địch	lăng	dãi	chí;
敵	暴	紂	之
Địch	bạo	phất	chí;
敵	悖	義	之
Địch	bội	nghĩa	chí;
敵	睦	攜	之
Địch	mục	huê	chí;
順	舉	挫	之
Thuận	cử	tỏa	chí;
因	勢	破	之
Nhân	thế	phá	chí;
放	言	過	之
Phóng	ngôn	quá	chí;
四	網	羅	之
Tứ	võng	la	chí;
得	而	勿	有
15. — Đắc	nhĩ	vật	hữu,
居	而	勿	守
Cư	nhĩ	vật	thủ,
拔	而	勿	久
Bát	nhĩ	vật	cửu,
立	而	勿	取
Lập	nhĩ	vật	thủ.

Địch an-nhàn thì ta phá rồi chúng;

Địch xâm-phạm thì ta chờ đợi;

Địch hung dữ thì ta bủa vây chúng;

Địch trái đạo thì ta lấy điều nghĩa mà thuyết-phục chúng;

Địch hòa-mục thì dắt-dẫn chúng;

Lúc thuận-lợi, ta kiểm-tòa chúng,

Nhân được thế, ta phá chúng;

Phóng lời nói qua trách lỗi chúng;

Bủa bốn mặt lưới mà vây chúng.

(Đó là 8 cách đối-phó với giặc)

15. — Được dùng cắt,

Ở đừng giữ,

Đánh thành đừng chiếm lâu,

Lập nên rồi chớ lấy dùng.

爲	者	則	己						
Vi	giả	tắc	kỷ						
有	者	則	士						
Hữu	giả	tắc	sĩ						
焉	知	利	之	所	在				
Yên	tri	lợi	chi	sở	tại				
彼	爲	諸	侯						
Bỉ	vi	chư	hầu						
己	爲	天	子						
Kỷ	vi	Thiên	Tử						
使	城	自	保						
Sử	thành	tự	bảo						
令	土	自	處						
Linh	thổ	tự	xử						
世	能	祖	祖	鮮	能				
Thế	năng	tổ	tổ	tiên	năng				
祖	祖	爲	親	下	下				
Tổ	tổ	vi	thân	hạ	hạ				
下	下	者	務	耕	桑				
Hạ	hạ	giả	vụ	canh	tang				
時	薄	賦	斂	不	匱				
thời	bạc	phú	liễm	bất	quý				
徭	役	不	使	其	勞				
dao	dịch	bất	sử	kỳ	lao				
而	家	娛	然	後	選				
nhì	gia	ngư	nhĩn	hậu	tuần				

Làm ra ớt là do ta,

Giữ gìn ắt là 'do kẻ sĩ,

Như thế biết được đâu là điều lợi.

Họ làm chur-hầu,

Ta làm Thiên-Tử,

Khiến thành-trĩ tự giữ gìn,

Khiến đất đai tự chiếm đóng.

(Đó là 4 phép chánh-tri)

16. — Người đời có thể thờ cúng tổ-tiên mà ít người có thể **nhún-nhường** đối với kẻ dưới. Thờ cúng tổ-tiên để gắn-gùì họ-hàng, nhún-nhường đối với kẻ dưới để làm vua.

17.— **Nhún-nhường** đối với kẻ dưới là chỗ cướp đoạt thì giờ cây cấy trồng dâu nuôi tằm của họ, thâu thuế ít thì sẽ không thiếu tiền của, ít việc dao-dịch ⁽¹⁾, khiến cho dân khỏi nhọc-nhân.

(1) **Đạo-dịch:** Việc công mà dân bắt-buộc phải làm cho nhà nước (corvée), chứ làm-lẫn với "giao-dịch" có nghĩa là đổi-chác.

- 牧 之
mục chí.
- 夫 所 謂 士 者 英 雄 也 故
18.— Phò sở vị sĩ giả anh hùng giả. Cố
曰 羅 其 英 雄 則 敵 國
viết: La kỳ anh hùng tác địch quốc
窮
cùng.
- 英 雄 者 國 之 幹 庶 民 者
19.— Anh hùng giả quốc chi cán, thứ dân giả
國 之 本 得 其 幹 收 其 本
quốc chi bản. Đắc kỳ cán, thu kỳ bản
則 政 行 而 無 怨
tác chính hành nhi vô oán,
夫 用 兵 之 要 在 崇 禮 而
20.— Phò dụng binh chi yếu tại sùng lễ nhi
重 祿 禮 崇 則 智 士 至 祿
trọng lộc. Lễ sùng tác trí sĩ chí, lộc
重 則 義 士 輕 死
trọng tác nghĩa sĩ khinh tử.
故 祿 賢 不 愛 財 賞 功 不
21.— Cố lộc hiền bất ái tài, thưởng công bất
踰 時 則 下 力 并 敵 國 削
du thời, tác hạ lực tinh, địch quốc tước.
夫 用 人 之 道 尊 以 爵 贍
22.— Phò dụng nhân chi đạo, tôn dĩ tước, thiệm

ắt là nước giàu, nhà nhà vui vẻ, rồi sau chọn lựa sĩ-phu để coi sóc, chấn dật dân-chúng.

18.— Những người được gọi là **kê sĩ** chính là các bậc **anh-hùng** vậy. Cho nên có nói: **Lôi kéo hết anh-hùng thì nước địch phải khốn-cùng.**

19.— **Anh-hùng** là bậc lương-dũng của nước, **thứ-dân** là nền gốc của nước. Dùng được các bậc lương-dũng ấy và tóm thu cái gốc ấy thì chính-sách được thi-hành mà không ai oán-thán.

20.— Điều cốt-yếu của **phép dùng binh** là chú-trọng vào **lễ-nghi** và cấp **bổng-lộc** thật nhiều. Lễ-nghi mà trọng-hậu ắt là các bậc trí-thức phải đến, bổng-lộc mà nhiều ắt là các nghĩa-sĩ phải coi nhẹ cái chết.

21.— Cho nên cấp **bổng-lộc** cho hiền-sĩ thì đừng tiếc tiền của, **ban thưởng** cho kẻ có công thì đừng để chậm trễ, ắt là kẻ dưới tay sẽ thi đua với nhau, nước địch phải suy-vi.

22.— Về **phép dùng người**, muốn suy-tôn người thì dùng **tước-vị**, muốn chu-cấp giúp đỡ cho người thì dùng **tiền của**, ắt

以	財	則	士	自	來	接	以	禮
đi	tài,	tắc	sĩ	tự	lai ;	tiếp	đi	lễ,
勵	以	義	則	士	死	之		
lệ	đi	nghĩa	tắc	sĩ	tử	chí,		
夫	將	帥	者	必	與	士	卒	同
23. — Phù	tướng	súy	giả	tất	dữ	sĩ	tốt	đồng
滋	味	而	共	安	危	敵	乃	可
tư	vị,	nhĩ	cộng	an	nguy,	địch	nãi	khả
加	故	兵	有	全	勝	敵	有	全
gia,	cố	bình	hữu	toàn	thắng,	địch	hữu	toàn
因								
nhân.								
昔	者	良	將	之	用	兵	有	饋
24. — Tích	giả	lượng	tướng	chí	dụng	bình,	hữu	quý
簞	醪	者	使	投	諸	河	與	士
đan	lao	giả,	sứ	đầu	chư	hà	dữ	sĩ
卒	同	流	而	飲	夫	一	簞	之
tốt	đồng	lưu	nhĩ	ẩm.	Phù	nhất	đan	chí
醪	不	能	味	一	河	之	水	而
lao	bất	năng	vị	nhất	hà	chí	thủy	nhĩ
三	軍	之	士	思	爲	致	死	者
tam	quân	chí	sĩ	tư	vì	trí	tử	giả,
以	滋	味	之	及	己	也		
đi	tư	vị	chí	cập	kỷ	giả.		
軍	讖	曰 :						

25. — Quân-Sấm viết :

là kẻ sĩ sẽ tự đến với mình ; tiếp-dãi người thì dùng lễ-nghi, khích-lệ người thì lấy điều nghĩa, ắt là kẻ sĩ phải liêu chết.

23. — **Tướng-súy** ắt phải cùng sĩ-tốt nếm vị ngon chất bổ như nhau, chia sẻ an-nguy với nhau, như thế sức cự địch càng tăng thêm nhiều, như đó việc binh toàn thắng và việc cự-địch được đầy-dủ nhân do.

24. — Ngày xưa khi bậc tướng giỏi dùng binh, có ai dâng bầu rượu “lao” lên khiến ném xuống sông để cùng sĩ-tốt uống chung một dòng nước ấy. Một bầu rượu “lao” không thể làm cho nước sông có mùi-vị rượu thể mà sĩ-tốt trong ba quân nhớ cách đối-xử ấy bền quyết chết, coi cái mùi-vị ấy như đã tới mình vậy.

25. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

軍	井	未	達	將	不	言	渴		
Quân	tỉnh	vị	đạt,	tướng	bất	ngôn	khát ;		
軍	幕	未	辦	將	不	言	倦		
Quân	mạc	vị	bạn,	tướng	bất	ngôn	quyện ;		
軍	竈	未	炊	將	不	言	饑		
Quân	táo	vị	xuý,	tướng	bất	ngôn	cơ ;		
冬	不	服	裘	夏	不	操	扇	雨	
Đông	bất	phục	câu,	hạ	bất	thao	phiến,	vũ	
不	張	蓋	是	謂	將	禮			
bất	trương	cái,	thị	vị	tướng	lễ.			
與	之	安	與	之	危	故	其	衆	
26.- Dữ	chi	an,	dữ	chi	nguy,	cố	kỳ	chúng	
可	合	而	不	可	離	可	用	而	
khả	hiệp	nhi	bất	khả	ly,	khả	dụng	nhi	
不	可	疲	以	其	恩	素	蓄	謀	
bất	khả	bì,	đi	kỳ	ân	tố	súc	mưu	
素	合	也							
tố	hiệp	giã.							
故	曰	:	蓄	恩	不	倦	以	一	
Cố	viết :		Súc	ân	bất	quyện,	đi	nhất	
取	萬								
thủ	vạn.								

軍 讖 曰 :

27.- Quân - Sấm viết :

將	之	所	以	爲	威	者	號	令
Tướng	chỉ	sở	đi	vì	uy	giã,	hiệu	lệnh

Giếng của quân chưa đào xong, tướng không được kêu khát ;
 Mìn của quân chưa giăng, tướng không được kêu mệt ;
 Bếp lửa của quân chưa thồi nấu, tướng không được kêu đói ;
 Mùa đông không được mặc áo dạ, mùa hè không được phẩy quạt, trời mưa không được trương lọng, đó gọi là lễ nghi của bậc tướng-súy.

26.- Cùng sĩ-tốt hưởng an-đôn, cùng sĩ-tốt chịu nguy-khổn, cho nên sĩ-tốt phải gần-bó với chủ-tướng mà chẳng xa-lìa, có thể sử-dụng luôn luôn mà chẳng tỏ ra mệt mỏi, đó là lấy ân-huệ chứa sẵn mà lo-liệu để cho sĩ-tốt sẵn-sàng hợp-nhất.

Cho nên có nói rằng : Chứa ân-huệ không nhàm chán thì có thể lấy một người mà sử-dụng được muôn người.

27.- Sách Quân-Sấm nói rằng :

Tướng được uy-quyền nhờ ở hiệu-lệnh ;

- | | | | | | | | | | |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|-------|-------|------|
| 也 | 戰 | 之 | 所 | 以 | 全 | 勝 | 者 | 軍 | |
| già. | Chiến | chí | sở | dĩ | toàn | thắng | già, | quân | |
| 政 | 也 | 士 | 之 | 所 | 以 | 輕 | 戰 | 者 | |
| chính | già, | Sĩ | chí | sở | dĩ | khinh | chiến | già, | |
| 用 | 命 | 也 | | | | | | | |
| dụng | mệnh | già. | | | | | | | |
| 故 | 將 | 無 | 還 | 令 | 賞 | 罰 | 必 | 信 | |
| 98.— | Cố | tướng | vô | hoàn | lệnh, | thưởng | phạt | tất | tín |
| 如 | 天 | 如 | 地 | 乃 | 可 | 使 | 人 | 士 | |
| như | thiên | như | địa, | nãi | khả | sử | nhân, | sĩ | |
| 卒 | 用 | 命 | 乃 | 可 | 越 | 境 | | | |
| tốt | dụng | mệnh | nãi | khả | việt | cảnh. | | | |
| 夫 | 統 | 軍 | 持 | 勢 | 者 | 將 | 也 | 制 | |
| 99.— | Phù | thống | quân | trì | thế | già | tướng | già, | chế |
| 勝 | 敗 | 敵 | 者 | 衆 | 也 | | | | |
| thắng | bại | dịch | già | chúng | già. | | | | |
| 故 | 亂 | 將 | 不 | 可 | 使 | 保 | 軍 | 乘 | |
| 30.— | Cố | loạn | tướng | bất | khả | sử | bảo | quân, | thừa |
| 衆 | 不 | 可 | 使 | 伐 | 人 | 攻 | 城 | 不 | |
| chúng | bất | khả | sử | phạt | nhân, | Công | thành | bất | |
| 可 | 拔 | 圖 | 邑 | 則 | 不 | 廢 | 二 | 者 | |
| khả | bạt, | đồ | ấp | tắc | bất | phế, | nhị | già | |
| 無 | 功 | 則 | 士 | 力 | 疲 | 敝 | 士 | 力 | |
| vô | công | tắc | sĩ | lực | bì | tệ; | sĩ | lực | |
| 疲 | 敝 | 則 | 將 | 孤 | 衆 | 悖 | | | |
| bì | tệ | tắc | tướng | cô, | chúng | bội. | | | |

Đánh được toàn-thắng nhờ ở **quân-chính**;

Sĩ-tốt khinh-chiến (không sợ-hai việc chiến-đấu) nhờ vâng mệnh trên.

28.— Cho nên bậc tướng-súy không rút lui mệnh-lệnh đã ban xuống, thi-hành việc thưởng-phạt đúng-dẫn như trời như đất, nhờ thế có thể sai-khiến người được, và sĩ-tốt vâng mệnh trên có thể vượt biên-cảnh.

29.— Cầm quân, giữ thế là việc của tướng-súy, sắp đặt mưu-lược để thắng trận, đánh bại quân địch là việc của sĩ-tốt.

30.— Cho nên loạn-tướng chẳng nên cho cầm quân, họ chỉ huy mà chẳng có thể khiến được quân chinh-phạt. Đánh thành mà chẳng hạ được thành, mưu-đồ đánh ấp mà chẳng lấy được ấp, hai

以	守	則	不	固	以	戰	則	奔
31.— Di	thủ	tắc	bất	cố,	di	chiến	tắc	bôn
北	是	謂	老	兵	兵	老	則	將
bắc,	thị	vì	lão	binh.	Binh	lão	tắc	tướng.
威	不	行	將	無	威	則	士	卒
uy	bất	hành;	tướng	vô	uy	tắc	sĩ	tốt
輕	刑	士	卒	輕	刑	則	軍	失
khinh	hình;	sĩ	tốt	khinh	hình	tắc	quân	thất
伍	軍	失	伍	則	士	卒	逃	亡
ngũ;	quân	thất	ngũ	tắc	sĩ	tốt	đào	vong;
士	卒	逃	亡	則	敵	乘	利	敵
sĩ	tốt	đào	vong	tắc	địch	thừa	lợi;	địch
乘	利	則	軍	必	喪			
thừa	lợi	tắc	quân	tất	táng.			
軍	讖	曰	:	良	將	之	統	軍
32.— Quân	Sấm	viết:		Lương	tướng	chi	thống	quân
也	恕	己	而	治	人	推	惠	施
giã,	thứ	kỷ	nhi	trị	nhân,	suy	huệ	thi
恩	士	力	日	新	戰	如	風	發
ân,	sĩ	lực	nhật	tân,	chiến	như	phong	phát,
攻	如	河	決	故	其	衆	可	望
công	như	hà	quyết,	cố	kỳ	chúng	khả	vọng
而	不	可	當	可	下	而	不	可
nhi	bất	khả	đương,	khả	hạ	nhi	bất	khả
勝	以	身	先	人	故	其	兵	爲
thắng;	di	thân	tiên	nhân,	cố	kỳ	binh	vì

việc làm chẳng thành-công ắt là sĩ-tốt mỗi một; sĩ-tốt mà mỗi một thì tướng ắt bị cô-thể, sĩ-tốt sẽ vi-bội lệnh trên.

31.— Dùng đề giữ ắt không vững chắc, dùng đề đánh phá ắt thua chạy, đó là **binh già yếu**. Binh mà già yếu, ắt là uy-vũ của tướng không thi-hành được; tướng mà không có uy-vũ ắt là sĩ-tốt sẽ coi nhẹ hình-pháp; sĩ-tốt mà coi nhẹ hình-pháp ắt là quân sẽ mất hàng ngũ; quân mà mất hàng ngũ ắt là sĩ-tốt sẽ bỏ trốn; sĩ-tốt mà bỏ trốn ắt là địch sẽ thừa cơ lợi-dụng; địch mà thừa cơ lợi-dụng ắt là quân-đội sẽ tan-vỡ.

32.— Sách **Quân-Sám** nói rằng: **Tướng** giỏi thông-suất quân-đội thì suy bụng mình ra để trị người, phân-phát ân-huệ cho kẻ dưới, làm cho sức chiến-đấu của quân-sĩ mỗi ngày một tấn-tới, đánh giặc như gió bão, phá thành như nước vỡ bờ, cho nên quân địch chỉ có thể giương mắt nhìn mà chẳng có thể đương đầu với ta được, chỉ có thể đầu hàng mà chẳng có thể chống ta được; tướng-

天下雄

thiên hạ hùng.

軍讖曰：

33.— Quân-Sám viết：

軍以賞爲表以罰爲裡

Quân dĩ thưởng vi biểu, dĩ phạt vi lý.

賞罰明則將威行

Thưởng phạt minh tắc tướng uy hành.

官人得則士卒服

Quan nhân đắc tắc sĩ tốt phục.

所任賢則敵國畏

Sở nhiệm hiền tắc địch quốc úy.

軍讖曰：

34.— Quân-Sám viết：

賢者所適其前無敵

Hiền giả sở thích kỳ tiền vô địch.

故士可下而不可驕

Cố sĩ khả hạ nhi bất khả kiêu.

將可樂而不可憂

Tướng khả lạc nhi bất khả ưu.

謀可深而不可疑

Mưu khả thâm nhi bất khả nghi.

士驕則下不順

Sĩ kiêu tắc hạ bất thuận.

35.— Sĩ

將憂則內外不相信

Tướng ưu tắc nội ngoại bất tương tín.

súy tự dẫn thân tiến trước người, cho nên binh ấy là binh mạnh bạo trong thiên-hạ.

33.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Quân lấy **thưởng** làm phép ngoài, lấy **phạt** làm phép trong.

Thưởng phạt sáng-suốt thì uy-vũ của tướng-súy được thi hành.

Được **quân-lại** có tài-đức thì sĩ-tốt sẽ phục-tòng.

Biết dùng hiền-sĩ thì nước địch phải sợ.

34.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Hiền-sĩ có **thái-độ** thích-hợp thì trước mặt không còn địch-thủ.

Cho nên kẻ sĩ có thể **hạ** mình mà chẳng có thể **kiêu-căng**.

Tướng-súy có thể tỏ ra **an vui** mà chẳng có thể tỏ ra **lo buồn**.

Mưu-kế nên **nghiên-cứu** sâu-xa kỹ-càng, mà chẳng có thể trì-nghì.

35.— Kẻ sĩ **kiêu-căng** ắt là người dưới không thuận.

Tướng-súy lo buồn ắt là trong ngoài không tin cậy nhau.

謀 疑 則 敵 國 奮 以 此 攻
Mưu nghi tắc địch quốc phấn, dĩ thử công.

伐 則 致 亂
phạt tắc trí loạn.

夫 將 者 國 之 命 也
36.— Phu tướng giả quốc chí mệnh giả.

將 能 制 勝 則 國 家 安 定
Tướng năng chế thắng tắc quốc gia an định.

軍 識 曰 :

37.— Quân-Sấm viết :

將 能 清 能 淨
Tướng năng thanh, năng tinh,

能 平 能 整
Năng bình, năng chỉnh,

能 受 諫 能 聽 訟
Năng thụ gián, năng thính tụng,

能 納 人 能 採 言
Năng nạp nhân, năng thái ngôn,

能 知 國 俗 能 圖 山 川
Năng tri quốc tục, năng đồ sơn xuyên,

能 表 險 難 能 制 軍 權
Năng biểu hiểm - nạn, năng chế quân - quyền.

故 曰 :

38.— Cổ viết :

仁 賢 之 智
Nhân - hiền chí trí,

Mưu-kế mà trì-nghi ắt là nước địch phẫn-khởi, thừa cơ công-phạt nước ta gây ra cảnh loạn-lạc.

36. — **Tướng-súy** tượng-trung cho vận-mệnh của nước nhà,
Tướng-súy thường sắp đặt để được thắng-thế thì nước nhà được yên-dịnh.

37. — Sách **Quân-Sám** nói rằng:
Tướng-súy nên thường thanh, thường tĩnh,
Thường bình-thân, thường chỉnh-tề,
Thường nghe can-gián, thường nghe xù kiện,
Thường thâu-nạp nhơn-tài, thường lược-lật lời hay lẽ phải,

Thường tìm hiểu phong-tục trong nước, thường vẽ hình-thế núi sông,

Thường nêu rõ hiềm-nạn, thường sắp đặt các việc quyền-biến trong quân-đội.

38. — Cho nên có nói:
Mưu-trí của các bậc nhơn-hiền,

聖 明 之 慮
Thánh minh chi lý,

負 薪 之 言
Phụ tân chi ngôn,

廊 廟 之 語
Lang miếu chi ngữ,

興 衰 之 事
Hưng suy chi sự,

將 所 宜 聞
Tướng sở nghi văn,

39. — 將 者 能 忍 士 如 渴 則 策
Tướng giả năng tư sĩ như khát tắc sách

從 焉
tòng yên.

40. — 夫 將 拒 諫 則 英 雄 散
Phù tướng cự gián tắc anh hùng tán.

策 不 從 則 謀 士 叛
Sách bất tòng tắc mưu sĩ bần.

善 惡 同 則 功 臣 倦
Thiện ác đồng tắc công thần quyện.

專 己 則 下 歸 咎
Chuyên kỷ tắc hạ qui cửu.

自 伐 則 下 少 功
Tự phạt tắc hạ thiểu công.

信 讒 則 衆 離 心
Tín sàm tắc chúng ly tâm.

Điều lo tính của các bậc thánh-minh,

Lời nói của kẻ gánh cùi,

Lời nói tại lang-miếu (triều-đình),

Các việc hưng suy,

Là điều tướng-súy nên nghe.

39.— Tướng-súy thường trông mong kẻ sĩ như khát nước

ắt là chịu theo sách-lược.

40.— Tướng-súy không nghe lời can-gián, ắt là anh-hùng sẽ ly-tấn.

Không theo sách lược ắt là mưu-sĩ sẽ bội-phản.

Coi thiện ác như nhau ắt là công-thần chán-nản.

Tự chuyên ắt là người dưới sẽ đổ lỗi vào bề trên.

Tự khoe ắt là kẻ dưới ít muốn lập công.

Tin lời dèm pha ắt là lòng người ly-tấn.

Tham của ắt là không cảm-đoán được việc gian-tham.

貪	財	則	奸	不	禁			
Tham	tài	tác	gian	bất	cấm,			
內	顧	則	士	卒	淫			
Nội	cố	tác	sĩ	tốt	dâm,			
將	有	一	則	衆	不	服	有	二
Tướng	hữu	nhất	tác	chúng	bất	phục;	hữu	nhị
則	軍	無	式	有	三	則	下	奔
tác	quân	vô	thức;	hữu	tam	tác	hạ	bôn
北	有	四	則	禍	及	國		
bắc;	hữu	tứ	tác	họa	cập	quốc.		
軍	識	曰	:					

41.— Quân-Sâm viết:

將	謀	欲	密			
Tướng	mưu	dục	mật,			
士	衆	欲	一			
Sĩ	chúng	dục	nhất,			
攻	敵	欲	疾			
Công	dịch	dục	tật,			
將	謀	密	則	姦	心	閉

42.— Tướng mưu

士	衆	一	則	軍	心	結		
Sĩ	chúng	nhất	tác	quân	tâm	kết.		
攻	敵	疾	則	備	不	及	設	
Công	dịch	tật	tác	bị	bất	cập	thiết.	
軍	有	此	三	者	則	計	不	奪
Quân	hữu	thử	tam	giả	tác	kế	bất	đoạt.

Mai-mê việc thế-thiếp (việc nhà trong) ắt là sĩ-tốt sinh ra dâm-dăng.

Tướng-súy có một điều lỗi kể trên ắt là quân-sĩ không phục ; có hai điều lỗi kể trên ắt là quân-sĩ mất kỷ-luật ; có ba điều lỗi kể trên ắt là kẻ dưới bỏ trốn ; có bốn điều lỗi kể trên ắt là nước nhà sẽ gặp tai-họa.

41. — Sách Quân-Sám nói rằng :

Mưu-kế của tướng-súy cần giữ mật-nhem.

Sĩ-tốt cần phải chuyên-nhất.

Đánh phá quân-dịch cần phải mau chóng.

42. — Mưu-kế của tướng-súy được giữ bí-mật ắt là manh-tâm của kẻ gian-tà phải chịu bể-tắc.

Sĩ-tốt chuyên-nhất ắt là lòng quân đoàn-kết.

Đánh phá quân-dịch mau chóng ắt là địch không kịp sắp-đặt sự phòng-bị.

Quân-đội có đủ ba điều-kiện ấy thì kế-hoạch khỏi bị địch chiếm-đoạt.

將 謀 泄 則 軍 無 勢
43. — Tướng mưu tiết tác quân vô thế.
外 間 內 則 禍 不 制
Ngoại khuy nội tác họa bất chế.
財 入 營 則 衆 姦 會
Tài nhập dinh tác chúng gian hội.
將 有 此 三 者 軍 必 敗
Tướng hữu thử tam giả quân tất bại.

將 無 慮 則 謀 士 去
44. — Tướng vô lự tác mưu sĩ khứ.
將 無 勇 則 士 卒 恐
Tướng vô dũng tác sĩ tốt khủng.
將 妄 動 則 軍 不 重
Tướng vọng động tác quân bất trọng.
將 遷 怒 則 一 軍 懼
Tướng thiên nộ tác nhất quân cụ.

軍 讖 曰 :
45. — Quân - Sám viết :
慮 也 勇 也 將 之 所 重
Lự giả, dũng giả, tướng chi sở trọng.
動 也 怒 也 將 之 所 用
Động giả, nộ giả, tướng chi sở dụng.
此 四 者 將 之 明 誠 也
Thử tứ giả tướng chi minh, giới giả.
軍 讖 曰 :

46. — Quân - Sám viết :

43. — Mưu-kế của tướng-sứ tiết-lộ ra ắt là quân-dội mất ưu-thế.

Bên ngoài dòm ngó vào bên trong được, ắt là tai-họa không thể ngăn-ngừa được.

Cửa-cải vào dinh trại ắt là bọn gian-là tụ-hội.

Tướng-sứ có ba điều lỗi kể trên thì quân-dội phải bại trận.

44. — Tướng không lo-tính ắt là mưu-sĩ sẽ bỏ đi.

Tướng không dùng-cảm ắt là sĩ-tốt nhất sợ.

Tướng hành-dộng bừa-bại ắt là không được quân-sĩ tôn-trọng.

Tướng hay giận lây qua người khác ắt là tất cả quân-sĩ kinh-hãi.

45. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Sự lo-toan và lòng dùng-cảm là việc trọng-dại của tướng-sứ.

Hành-dộng và thịnh-nộ là việc thường dùng của tướng-sứ.

Bốn điều ấy là qui-giới rõ-ràng của tướng-sứ.

46. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

軍 無 財 士 不 來
Quân vô tài sĩ bất lai.
軍 無 賞 士 不 往
Quân vô thưởng sĩ bất vãng.
軍 識 曰 :

47. — **Quân-Sấm** viết:

香 餌 之 下 必 有 死 魚
Hương nhĩ chi hạ tất hữu tử ngư.
重 賞 之 下 必 有 勇 夫
Trọng thưởng chi hạ tất hữu dũng phu.
故 禮 者 士 之 所 歸
Cố lễ giả sĩ chi sở qui,
賞 者 士 之 所 死
Thưởng giả sĩ chi sở tử.
招 其 所 歸 示 其 所 死 則
Chiêu kỳ sở qui thị kỳ sở tử tắc
所 求 者 至
sở cầu giả chí.
故 禮 而 後 悔 者 士 不 往
Cố lễ nhi hậu hối giả sĩ bất vãng.
賞 而 後 悔 者 士 不 使
Thưởng nhi hậu hối giả sĩ bất sử.
禮 賞 不 倦 則 士 爭 死
Lễ thưởng bất quyện tắc sĩ tranh tử.
軍 識 曰 :

48. — **Quân-Sấm** viết:

Quân-đội không có tiền của thì kẻ sĩ không đến.

Quân-đội không tướng-thường thì kẻ sĩ không lại.

47. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Mỗi thorn thả xuống ắt có cá chết.

Thường lớn ban xuống ắt có dưng-phu liễu mình.

Cho nên ai dùng lễ-nghi thì kẻ sĩ theo về.

Ai tướng-thường công-lao thì kẻ sĩ chịu chết cho kẻ ấy.

Chiêu-nạp người theo về với mình, trọng-dãi người chịu chết cho mình, ắt là điều ước mong sẽ được toại-nguyện.

Cho nên đã dùng lễ-nghi (để mời về) rồi sau lại hối-tiếc thì kẻ sĩ không lại.

Đã thường mà sau lại hối-tiếc thì kẻ sĩ khó sử-dụng.

Dùng lễ-nghi và tướng-thường mãi không thôi thì kẻ sĩ sẽ tranh nhau chịu chết cho mình.

48. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

興	師	之	國	務	先	隆	恩
Hưng	sư	chi	quốc	vụ	tiên	long	ân.
攻	取	之	國	務	先	養	民
Công	thủ	chi	quốc	vụ	tiên	dưỡng	dân.
以	寡	勝	衆	者	恩	也	
Di	quả	thắng	chúng	giả	ân	giã.	
以	弱	勝	强	者	民	也	
Di	nhược	thắng	cường	giả	dân	giã.	
故	良	將	之	養	士	不	易
Cố	lương	tướng	chi	dưỡng	sĩ,	bất	dịch
身	故	能	使	三	軍	如	一
thân,	cố	năng	sử	tam	quân	như	nhất
則	其	勝	可	全			
tắc	kỳ	thắng	khả	toàn.			

軍識曰：

49. — **Quân-Sấm** viết:

用	兵	之	要	
Dụng	binh	chi	yếu,	
必	先	察	敵	情
Tất	tiên	sát	dịch	tình,
視	其	倉	庫	
Thị	kỳ	thương	khố,	
度	其	糧	食	
Độ	kỳ	lương-thực,		
卜	其	强	弱	
Bốc	kỳ	cường nhược,		

Nước nào muốn **dấy binh** thì cốt-yếu trước hết là phải **thi-ân**.

Nước nào muốn **đánh dẹp** thì cốt-yếu trước hết là phải **nuôi dân**.

Lấy ít mà thắng được **nhiều** là nhờ **thi-ân**.

Lấy yếu mà thắng được **mạnh** là nhờ **lòng dân**.

Cho nên **tướng giỏi nuôi nghĩa-sĩ**, chẳng khác gì nuôi thân-thể của chính mình, do đó có thể khiến cho ba quân một lòng một dạ với mình, ắt là sự thắng lợi được hoàn-toàn.

49. — Sách **Quân-Sám** nói rằng:

Điều cốt-yếu của phép dùng binh,

Ắt là trước hết phải quan-sát tình-hình quân địch.

Thăm dò **kho-lâm** chứa lúa gạo và binh-khi của địch.

Tính-toán phỏng chừng **số lượng-thực** của địch.

Đoán biết các **chỗ mạnh yếu** của địch.

察	其	天	地						
Sát	kỳ	thiên	địa,						
伺	其	空	隙						
Ty	kỳ	không	khích,						
故	國	無	軍	旅	之	難	而	運	
50. — Cỗ	quốc	vô	quân	lữ	chí	nạn	nhì	vận	
糧	者	虛	也	民	菜	色	者	窮	
lượng	giả	hư	giả,	dân	thái	sắc	giả	cùng	
也									
giả.									
千	里	饋	糧	士	有	飢	色	樵	
Thiên	lý	quý	lượng	sĩ	hữu	cư	sắc,	tiêu	
蘇	後	饗	師	不	宿	飽			
tô	hậu	thoán,	sư	bất	túc	bão.			
夫	運	糧	百	里	無	一	年	之	
Phù	vận	lượng	bách	lý	vô	nhất	niên	chí	
食	二	百	里	無	二	年	之	食	
thực,	nhị	bách	lý	vô	nhị	niên	chí	thực,	
三	百	里	無	三	年	之	食	是	
tam	bách	lý	vô	tam	niên	chí	thực,	thị	
謂	國	虛							
vị	quốc	hư,							
國	虛	則	民	貧	民	貧	則	上	
Quốc	hư	tắc	dân	bần,	dân	bần	tắc	thượng	
下	不	親	敵	攻	其	外	民	盜	
hạ	bất	thân,	địch	công	kỳ	ngoại,	dân	đạo	

Xem xét **tượng** trời và **thế** đất.

Tìm những **chỗ** **sơ hở** của địch.

50. — Cho nên nước nào không có nạn chiến-tranh mà lại tiếp-vận lương-thực thì đó là do sự **thiếu-thốn**, còn nếu dân có sắc mặt **xanh-xao** như màu rau củ thì phải hiểu là dân-chúng đã **cùng-khốn** lắm rồi.

Chở lương từ ngàn dặm tới, quân-sĩ có sắc đói, kiếm củi hái rau (hay là cắt cỏ) trước rồi mới thổi nấu sau, thì đó là những dấu-hiệu cho biết rằng quân-đội **không đủ no**.

Vận lương từ một trăm dặm tới mà không đủ ăn một năm, từ hai trăm dặm tới mà không đủ ăn hai năm, từ ba trăm dặm tới mà không đủ ăn ba năm, như thế là trong nước đã **thiếu-thốn**.

Nước mà thiếu-thốn thì dân nghèo, dân mà nghèo thì trên dưới không thân-mật với nhau, địch đánh bên ngoài, dân trộm cắp

其 內 是 謂 必 潰
kỳ nội thị vị tất hội,

軍 識 曰 :

51. — Quân - Sấm viết :

上 行 虐 則 下 急 刻
Thượng hành ngược tác hạ cấp khắc,
賦 重 斂 數 刑 罰 無 極
Phú trọng liễm số hình phạt vô cực,
民 相 殘 賊 是 謂 亡 國
Dân tương tàn tặc thị vị vong quốc.

軍 識 曰 :

52. — Quân - Sấm viết :

內 貪 外 廉
Nội tham ngoại liêm,
詐 譽 取 名
Trá dự thủ danh,
竊 公 爲 恩
Thiệt công vi ân,
令 上 下 昏
Lệnh thượng hạ hôn,
飾 躬 正 顏
Sức cung chính nhan,
以 獲 高 官
Di hoạch cao quan,
是 謂 盜 端
Thị vị đạo đoan.

bên trong, như thế chắc là phải đồ vỡ.

51.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Trên mà hành-dộng bạo-ngược thì dưới sẽ chống đối gấp,

Thuế nặng thu nhiều, hình-phạt tăng thêm mãi,

Dân sẽ bị tàn hại, nổi lên làm giặc cướp, ấy là mất nước.

52.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Trong bụng tham-lam, ngoài mặt làm ra vẻ liêm-khiết,

Giả làm người tốt để lấy danh tiếng,

Trộm của công mà làm ơn cho người,

Nịnh-bợ bề trên, cư-xử bừa-bại đối với kẻ dưới,

Trang-sức thân-thờ, dung-nhan làm ra vẻ nghiêm-chính,

Đề đoạt lấy chức quan cao,

Ấy là mối đầu sinh ra sự gian-tà,

軍 識 曰 :

53.— **Quân - Sấm** viết:

羣 吏 朋 黨
Quần lại bang đảng,

各 進 所 親
Các tấn sở thân,

招 舉 姦 枉
Chiêu cử gian uổng,

抑 挫 仁 賢
Ức tóa nhân hiền,

背 公 立 私
Bội công lập tư,

同 位 相 訕
Đồng vị tương san,

是 謂 亂 源
Thị vị loạn nguyên,

軍 識 曰 :

54.— **Quân - Sấm** viết:

強 宗 聚 姦
Cường tông tụ gian,

無 位 而 尊
Vô vị nhi tôn,

威 無 不 震
Uy vô bất chấn,

葛 藟 相 連
Cát lũy tương liên,

5.3 — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Quan-lợi kết bè đảng,

Tất cả chỉ tiến dâng những kẻ thân-thích,

Chiêu-nạp và bảo-cử những kẻ gian-tà, công vậy,

Kiểm-chế các bậc nhân-hiễn,

Bỏ việc công làm việc tư,

Cùng chức-vị mà chê-bai nhau,

Ấy là nguồn gốc của mỗi loạn.

54. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Những tông-phái mạnh tụ-tập kẻ gian-tà,

Kẻ chẳng có chức-vị gì cũng được quý-trọng,

Có uy-quyền đến nỗi chẳng có gì mà không lay-chuyển được,

Những bọn đua-nhìu cấu-kết với nhau,

種	德	立	恩
Chủng	đức	lập	ân,
奪	在	位	權
Đoạt	tại	vị	quyền,
侵	侮	下	民
Xâm	vũ	hạ	dân,
國	內	譁	誼
Quốc	nội	hoa	huyền,
臣	蔽	不	言
Thần	tế	bất	ngôn,
是	謂	亂	根
Thị	vị	loạn	căn.
軍	讖	曰	:

55. — **Quân - Sấm** viết:

世	世	作	姦
Thế	thế	tác	gian,
侵	盜	縣	官
Xâm	đạo	huyền	quan,
進	退	求	便
Tấn	thoái	câu	tiện,
委	曲	弄	文
Ủy	khúc	lộng	văn,
以	危	其	君
Đĩ	nguy	kỳ	quân,
是	謂	國	姦
Thị	vị	quốc	gian.

Gieo đức thì ơn,

Chiếm-đoạt luôn cả chức-vị và quyền-hành,

Xâm-chiếm và khinh rẻ quyền-lợi của dân đen,

Trong nước ồn-ào huyên-náo,

Các quan che dấu chẳng nói ra,

Ấy là gốc rễ của sự loạn-lạc.

55. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Đời đời làm việc gian-tà,

Xâm nhập tới chốn huyện-đường,

Tối lui đều mưu-cầu điều tiện-lợi riêng cho mình,

Đặt ra những lời văn ngoắt-ngéo, đùa giỡn châm-biếm,

Đề làm nguy-hại tới uy-tín của Nhà Vua.

Đó là kẻ gian trong nước.

軍 讖 曰 :

56. — **Quân-Sấm** viết :

吏 多 民 寡

Lại đa dân quá,

尊 卑 相 若

Tôn ty tương nhược,

强 弱 相 虜

Cường nhược tương lỗ,

莫 適 禁 禦

Mạc thích cấm ngự,

延 及 君 子

Diễn cập quân tử,

國 受 其 害

Quốc thụ kỳ hại.

軍 讖 曰 :

57. — **Quân-Sấm** viết :

善 善 不 進

Thiện thiện bất tiến,

惡 惡 不 退

Ô ác bất thoái,

賢 者 隱 蔽

Hiền giả ẩn tế,

不 肖 在 位

Bất tiếu tại vị,

國 受 其 害

Quốc thụ kỳ hại.

56.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Quan-lại thì nhiều mà dân-chúng thì ít,
Trên dưới đều ngang nhau, không ai hơn ai,
Kẻ mạnh, người yếu làm hại lẫn nhau,
Chẳng ai tuân theo lời ngăn-cấm.
Điều tệ-hại ấy lan dần đến bậc quân-tử,
Thì nước phải chịu thiệt hại.

57.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Mến người thiện mà không tiến-cử họ,
Ghét người ác mà không phỉ-bỏ họ,
Che dấu người hiền,
Người ngu-ngốc thì được chức-vị,
Như thế nước nhà phải chịu thiệt-hại.

軍 識 曰 :

58.— **Quân - Sấm** viết :

枝	葉	强	大
Chi	diệp	cường	dại,
比	周	居	勢
Tỉ	Chu	cư	thế.
卑	賤	陵	貴
Ty	tiện	lăng	quí,
久	而	益	大
Cửu	nhi	ích	dại,
上	不	忍	廢
Thượng	bất	nhẫn	phế,
國	受	其	敗
Quốc	thụ	kỳ	bại.
軍	識	曰 :	

59.— **Quân - Sấm** viết :

佞	臣	在	上
Nịnh	thần	tại	thượng,
一	軍	皆	訟
Nhất	quân	giai	tyng,
引	威	自	與
Dẫn	uy	tự	dữ,
動	違	於	衆
Động	vi	ư	chúng,
無	進	無	退
Vô	tấn	vô	thoái,

58.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Cành và lá to mạnh,

Cũng như nhà Chu chiếm được uy-thế, (nghĩa là ngọn mạnh gốc yếu),

Hạng ty-tiện lần-lượt bậc tôn-quí,

Phe đảng ấy càng lâu càng lớn dần,

Mà bề trên không nỡ phớt-bỏ,

Thì nước nhà phải chịu bại-vong.

59.— Sách **Quân-Sấm** nói rằng:

Nịnh-thần ở trên,

Trong khắp quân-đội đều có tranh-tụng,

Tự tạo uy-quyền cho mình,

Hành-dộng trái ngược với quyền-lợi của dân-chúng,

Chẳng biết tới lui,

苟	然	取	容
Cẩu	nhiên	thủ	dung,
專	任	自	己
Chuyên	nhệm	tự	kỳ,
舉	措	伐	功
Cử	thố	phạt	công,
誹	謗	盛	德
Phi	báng	thịnh	dức,
誣	述	庸	庸
Vu	thuật	dung	dung,
無	善	無	惡
Vô	thiện	vô	ác,
皆	與	己	同
Giới	dữ	kỳ	đồng,
稽	留	行	事
Kê	lưu	hành	sự,
命	令	不	通
Mệnh	lệnh	bất	thông,
造	作	苛	政
Tạo	tác	hà	chính,
變	古	易	常
Biến	cổ	dị	thường,
君	用	佞	人
Quân	dụng	nịnh	nhơn,
必	受	禍	殃
Tất	thụ	họa	ương.

Thâu-dụng và dụng-nạp các người tay chân một cách cầu-thả,

Tự-ý dành các chức-vụ,

Bày việc đề khoe công,

Phi-báng các bậc thịnh-đức,

Thường bày chuyện vu oan cho người khác,

Không cần phân-biệt người thiện kẻ ác,

Xem mọi người đều giống như mình,

Ngăn chặn sự thi-hành các việc,

Ra mệnh-lệnh chẳng thông,

Bày ra chính-sách hà-khắc,

Bãi-bỏ các thông-lệ cũ và bày ra các việc khác thường,

Nhà vua mà dùng người nịnh,

Ắt là phải chịu họa-ương.

軍 議 曰：

60. — Quân - Sãm viết：

姦 雄 相 稱

Gian-hùng tương xưng,

障 蔽 主 明

Chướng tế chủ minh,

毀 譽 並 興

Hủy dự tịnh hưng,

壅 塞 主 聰

Ứng tắc chủ thông,

各 阿 所 私

Các a sở tư,

令 主 失 忠

Linh chủ thất trung,

故 主 察 異 言 乃 觀 其 萌

61. — Cổ: Chủ sát dị ngôn, nãi đồ kỳ manh

主 聘 儒 賢 姦 雄 乃 遷

Chủ thỉnh nho hiền, gian hùng nãi thiên;

主 任 舊 齒 萬 事 乃 理

Chủ nhiệm cựu xỉ, vạn sự nãi lý;

主 聘 叢 穴 士 乃 得 實

Chủ thỉnh nhậm huyệt, sĩ nãi đắc thực;

謀 及 負 薪 功 乃 可 述

Mưu cập phụ tân, công nãi khả thuật;

不 失 人 心 德 乃 洋 溢

Bất thất nhơn tâm, đức nãi dương dật.

60. — Sách **Quân-Sấm** nói rằng :

Bọn gian-hung cùng tôn-xung lẫn nhau,

Che lấp các việc sáng-suốt của Nhà Vua,

Tiếng khen, lời chê cùng nổi lên,

Ngăn chặn sự nghe thấy của Nhà Vua,

Tất cả đều hành-động theo lòng tư-dục của mình,

Khiến cho Nhà Vua phải mất các trung-thần,

61. — Chớ nên : Nhà Vua phải tìm hiểu những lời nói quái-dị mới thấy rõ mẫm-mống ;

Nhà Vua thỉnh-cầu các bậc nho-hiền thì bọn gian-hung phải rời bỏ ;

Nhà Vua bổ-nhiệm các bậc tuổi-tác thì mọi việc đều giải-quyết xong ;

Nhà Vua thỉnh-cầu các bậc ẩn-sĩ tại các chốn hang, động thì kẻ sĩ ấy mới thực có tài-dức ;

Mưu-kế dùng tới kẻ gánh củi thì công-nghiệp mới phơi bày ra.

Chẳng mất lòng người, đức mới tràn đầy.

中 卷

TRUNG QUYỀN

夫	三	皇	無	言	而	化	流	四
62. — Phò	Tam	Hoàng	vô	ngôn	nhi	hóa	lưu	tứ
海	故	天	下	無	所	歸	功	
hải,	cố	thiên	hạ	vô	sở	quy	công,	
帝	者	體	天	則	地	有	言	有
63. — Đế	giả	thể	thiên	tắc	địa,	hữu	ngôn	hữu
令	而	天	下	太	平			
lệnh	nhi	thiên	hạ	thái	bình,			
君	臣	讓	功	四	海	化	行	百
64. — Quân	thần	nhượng	công,	tứ	hải	hóa	hành,	bách
姓	不	知	其	所	以	然		
tính	bất	tri	kỳ	sở	đi	nhiên,		
故	使	臣	不	待	禮	賞	有	功
65. — Cố	sử	thần	bất	đãi	lễ	thưởng	hữu	công,
美	而	無	害					
mỹ	nhi	vô	hại,					
王	者	制	人	以	道	降	心	服
66. — Vương	giả	chế	nhơn	đi	đạo,	hàng	tâm	phục
志	設	矩	備	衰	四	海	會	同
chí,	thiết	cù	bị	suy,	tứ	hải	hội	đồng,
王	職	不	廢	雖	甲	兵	之	備
vương-chức	bất	phế,	tuy	giáp	bình	chí	bị	

CUỐN GIỮA

62. — Dời **Tam-Hoàng** chẳng dạy bằng lời nói mà sự giáo-hóa được lưu-hành khắp bốn biển, cho nên trong thiên-hạ không nơi nào dám nhận công-nghiệp về phần mình.

63. — Dời **Ngũ-Đế** theo thề-tượng trên Trời mà lập phép tắc dưới Đất, có nói, có truyền lệnh mà thiên-hạ được thái-bình.

64. — Vua tôi **nhường công** cho nhau nên sự giáo-hóa lưu-hành bốn biển, trăm họ chẳng có thể biết được lý-do ấy.

65. — Cho nên sai-khiến bề tôi mà lại **không dùng lễ và thưởng** cho kẻ có công, điều ấy đẹp mà không có hại ⁽¹⁾.

66. — Bậc **Vua Chúa** dùng **đạo** để trị người, hàng-phục tâm-chí của người, đặt ra qui-cử, phòng-bị chỗ suy-yếu, bốn biển cùng

(1) Đối với kẻ có công, không dùng lễ (hon-neurs) và thưởng (prime, récompense). Như thế chỉ cho họ chức-vụ (fonction) và quyền-hành (pouvoir).

而 無 戰 鬪 之 患
nhì vô chiến đấu chi hoạn.
若 無 疑 於 臣 臣 無 疑 於
67. — Quân vô nghi ư thần, thần vô nghi ư

主
chủ.
國 定 主 安 臣 以 義 退 亦
68. — Quốc định chủ an, thần dĩ nghĩa thoái diệc

能 美 而 無 害
năng mỹ nhi vô hại.
霸 者 制 士 以 權 結 士 以
69. — Bá giả chế sĩ dĩ quyền, kết sĩ dĩ

信 使 士 以 賞 信 衰 則 士
tín, sứ sĩ dĩ thưởng. Tín suy tắc sĩ
疏 賞 虧 則 士 不 用 命
sơ, thưởng khuý tắc sĩ bất dụng mệnh.

軍 勢 曰 :
70. — Quân-Thế viết:

出 軍 行 師 將 在 自 專
Xuất quân hành sư, tướng tại tự chuyên.
進 退 內 御 則 功 難 成
Tấn thoái nội ngự tắc công nan thành.

軍 勢 曰 :
71. — Quân-Thế viết:

使 智 使 勇 使 貪 使 愚
Sứ trí, sử dũng, sử tham, sử ngu.

về với mình, chẳng bỏ vương-chức, tuy có đủ giúp-binh nhưng chẳng gặp nạn chiến-tranh.

67. — Vua chẳng nghi bề tôi, bề tôi chẳng nghi Chúa.

68. — Nước đã bình-dịnh xong, chúa được an lòng, bề tôi vì nghĩa mà lui thì cũng được đẹp mà không có hại.

69. — Bậc bá-chú dùng quyền để trị kẻ sĩ, dùng đức tin để giữ kẻ sĩ, dùng phần thưởng để sai-khiến kẻ sĩ. Đức tin mà suy-giảm thì kẻ sĩ sẽ xa dân, phần thưởng mà thiếu sót thì kẻ sĩ không theo mệnh trên.

70. — Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Khi xuất quân và khi đi đường, tướng-súy được tự chuyên-quyền.

Nếu Nhà Vua ở bên trong mà định-đoạt việc tấn-thoái của quân-đội thì tướng-súy khó mà thành-công.

71. — Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Phải biết sử-dụng kẻ trí, kẻ dũng, kẻ tham, kẻ ngu.

智	者	樂	立	其	功
Trí	giả	lạc	lập	kỳ	công.
者	勇	好	行	其	志
Dũng	giả	hiếu	hành	kỳ	chí.
貪	者	邀	趨	其	利
Tham	giả	yêu	xu	kỳ	lợi.
愚	者	不	顧	其	死
Ngu	giả	bất	cố	kỳ	tử.
因	其	至	情	而	用
Nhân	kỳ	chí	tình	nhi	dụng
之	微	權	也		
chí	vi	quyền	giả.		

軍勢曰：

72. — **Quân-Thế** viết:

無	使	辯	士	談	說	敵	美	爲
Vô	sử	biện	sĩ	đàm	thuyết	địch	mỹ.	vi
其	惑	衆						
kỳ	hoặc	chúng.						

無	使	仁	者	主	財	爲	其	多
Vô	sử	nhân	giả	chủ	tài,	vi	kỳ	đa
施	而	附	於	下				
thí	nhi	phụ	ư	hạ.				

軍勢曰：

73. — **Quân-Thế** viết:

爲	吏	士	卜	問	軍	之	吉	凶
vi	lại	sĩ	bốc,	vấn	quân	chí	cát	hung.

Kẻ trí thích lập công.

Kẻ dưng thích thi hành cái của mình.

Kẻ tham mong được lợi.

Kẻ ngu không nghĩ đến cái chết.

Nhân theo chí khí và tình ý của người mà dùng họ, đó là sự
quyền-biến vi-diệu của quân-dội.

72. — Sách **Quân-Thế** nói rằng :

Chớ cho kẻ **biện-sĩ** luận-bàn về điều hay của người quân dịch,
vì họ sẽ làm cho quân-chúng hoang-mạng.

Chớ cho kẻ **nhân** giữ tiền của, vì họ thường bố-thí nhiều
và bỏ rớt cho kẻ dưới.

73. — Sách **Quân-Thế** nói rằng : Cấm hạng đồng-tử, thầy bói
không được bói toán cho các lại-sĩ đến hỏi việc lành dữ về quân-dội.

軍勢曰：

74. — **Quân-Thế** viết :

使	義	士	不	以	財	故	義	者
Sử	ngĩa	si	bất	di	tài,	cố	ngĩa	già
不	爲	不	仁	者	死	智	者	不
bất	vi	bất	nhân	giả	tử,	trí	già	bất
爲	闇	主	謀					
vi	ám	chủ	mưu.					

主	不	可	以	無	德	無	德	則
chủ	bất	khả	di	vô	đức,	vô	đức	tác
臣	叛	不	可	以	無	威	無	威
thần	bạn;	bất	khả	di	vô	uy,	vô	uy
則	失	權						
tác	thất	quyền.						

臣	不	可	以	無	德	無	德	則
thần	bất	khả	di	vô	đức,	vô	đức	tác
無	以	事	君	不	可	以	無	威
vô	di	sự	quân;	bất	khả	di	vô	uy,
無	威	則	國	弱	威	多	則	身
vô	uy	tác	quốc	nhược,	uy	đa	tác	thân
蹶								
quyết (quệ).								

故	聖	王	御	世	觀	威	衰	度
Cố	Thánh-Vương	ngự	thế,	quyền	thịnh	suy,	độ	
得	失	而	爲	之	制	故	諸	侯
đắc	thất,	nhĩ	vi	chi	chế.	Cố	chư	hầu

74.— Sách **Quân-Thế** nói rằng:

Muốn sử-dụng **nghĩa-sĩ** thì dùng dùng tiền của, cho nên kẻ có nghĩa chẳng vì kẻ bất-nhân mà chết, kẻ có trí chẳng vì kẻ ngu-tối mà lập mưu-kế.

75.— Bậc **Vua Chúa** không thể không có đức, nếu không đức thì bề tôi sẽ làm phản; bậc Vua Chúa không thể không có uy, nếu không có uy thì sẽ mất quyền-thế.

76.— Bề tôi không thể không có đức, nếu không có đức thì sẽ không biết lấy gì mà thờ Vua; bề tôi không thể không có uy, nếu không có uy thì nước yếu, còn nếu có nhiều uy thì tự mình sẽ gặp nguy-hiểm.

77.— Cho nên **Thánh-Vương** trị thế, tùy theo thời thịnh suy mà quyền-biến, đo-lường sự được mất mà đặt ra phép-tắc. Cho

二 師 方 伯 三 師 天 子 六
nhị sư, phương bá tam sư, Thiên Tử lục

師

sư.

世 亂 則 叛 逆 生 王 澤 竭
78.— Thế loạn tắc bạo nghịch sinh, vương trạch kiệt

則 盟 誓 相 誅 伐

tắc minh thệ tương tru phạt.

德 同 勢 敵 無 以 相 傾 乃

79.— Đức đồng, thế địch, vô dĩ tương khuynh, nãi

擘 英 雄 之 心 與 衆 同 好

lâm anh hùng chi tâm, dư chúng đồng hiếu

惡 然 後 加 之 以 權 變

ố, nhiên hậu gia chi dĩ quyền biến.

故 非 計 策 無 以 決 嫌 定

80.— Cố phi kế sách vô dĩ quyết hiềm định

疑 非 譎 寄 無 以 破 姦 息

ngĩ; phi quyết ký vô dĩ phá gian lúc

寇 非 陰 計 無 以 成 功

khẩu; phi âm kế vô dĩ thành công.

聖 人 體 天 賢 人 法 地 智

81.— Thánh-Nhân thể thiên, hiền-nhân pháp địa, trí

者 師 古 故 故 三 略 爲 衰

giã sư cổ, thĩ cổ tam lược vi suy

世 作

thế tác.

nên chư-hầu thì có hai sự, phương-bá thì có ba sự, Thiên-Tử thì có sáu sự.

78.— Gặp đời loạn thì bọn phản-ngịch sinh ra, mà ân-huệ của Vua thì hết, ắt là có sự thề-ước cùng nhau đánh dẹp.

79.— Đức mà bằng nhau, thế mà ngang nhau thì không lấy gì mà khuynh-đảo nhau được, bèn nắm lấy lòng dạ của hạng anh-hùng, cùng yêu cùng ghét với họ, rồi sau dùng quyền-biến thêm vào.

80.— Cho nên nếu không có mưu-kế, sách-lược thì không lấy gì mà giải-quyết sự ngờ-vực; nếu không có mưu-kế quý-quyết, lạ-lùng thì không lấy gì mà phá gian đẹp giặc; nếu không có kế-hoạch kín-đáo thì không thể thành-công.

81.— Thánh-nhân theo thế-tượng của trời, hiền-nhân lập phép-tắc dưới đất, bậc trí-già thì học theo xưa, vì thế cho nên ba sách-lược được đặt ra cho đời suy.

上 畧 設 禮 賞 別 姦 雄 著
82.— Thượng-lược thiết lễ thưởng, biệt gian - hùng, trứ

成 敗
thành bại.

中 畧 差 德 行 審 權 變
Trung - lược sai đức hạnh, thẩm quyền-biến.

下 畧 陳 道 德 察 安 危 明
Hạ - lược trần đạo đức, sát an nguy, minh

賊 賢 之 咎
tặc hiền chi cữu.

故 人 主 深 曉 上 畧 則 能
83.— Cỗ nhân - chủ thâm hiểu thượng - lược tác năng

任 賢 擒 敵 深 曉 中 略 則
nhiệm hiền cầm địch; thâm hiểu trung - lược tác

能 御 將 統 衆 深 曉 下 畧
năng ngự tướng thống chúng; thâm hiểu hạ lược

則 能 明 盛 衰 之 原 審 治
tác năng minh thịnh suy chi nguyên, thẩm trị

國 之 紀
quốc chi kỷ.

人 臣 深 曉 中 畧 則 能 全
84.— Nhân-thần thâm hiểu trung - lược tác năng toàn

功 保 身
công bảo thân.

夫 高 鳥 死 良 弓 藏 敵 國
85.— Phò cao điều tử, lương cung tàng, địch quốc

82. — **Thượng-lược** bày ra lễ thưởng, phân-biệt kẻ gian-hùng, sắp đặt cuộc thành-bại.

Trung-lược so-sánh đức-hạnh hơn thua, xử-đoán việc quyền-biến.

Hạ-lược trình-bày việc đạo-đức, xét việc an-nguy, phê-phán kẻ giặc, người hiền.

83. — Cho nên bậc **nhân-chúa**, hiểu rõ **thượng-lược** ắt có thể bổ-nhiệm người hiền, bắt giữ kẻ địch; hiểu rõ **trung-lược** thì có thể ngự-trị được tướng-tá, thống-lãnh quân-chúng; hiểu rõ **hạ-lược** thì có thể biết nguồn gốc của sự thịnh-suy, xử yên việc kỷ-cương trong nước.

84. — Bề tôi hiểu rõ **trung-lược** ắt có thể làm trọn vẹn được công-vụ, bảo-toàn thân mình.

85. — Khi con chim bay cao đã chết thì cung tốt phải cắt dẫu

滅	謀	臣	亡	亡	者	非	喪	其
diệt,	mưu,	thần	vong.	Vong	giả	phí	táng	kỳ
身	也	謂	奪	其	威	廢	其	權
thân	giã,	vị	đoạt	kỳ	uy,	phế	kỳ	quyền
也	封	之	於	朝	極	人	臣	之
giã,	phong	chi	ư	triều,	cực	nhân	thần	chi
位	以	顯	其	功	中	州	善	國
vị	đi	hiển	kỳ	công,	trung	châu	thiện	quốc
以	富	其	冢	美	色	珍	玩	以
đi	phú	kỳ	gia,	mỹ	sắc	trân	ngoạn	đi
悅	其	心						
duyệt	kỳ	tâm.						

86. — 夫 人 衆 一 合 而 不 可 卒
離 權 威 一 與 而 不 可 卒
移 離 權 威 一 與 而 不 可 卒
di. ly, quyền uy nhất dư nhi bất khả thốt

還	師	罷	軍	存	亡	之	階	故
Hoàn	sư	bãi	quân,	tồn	vong	chi	giai,	cố
弱	之	以	位	奪	之	以	國	是
nhược	chi	đi	vị,	đoạt	chi	đi	quốc,	thị
謂	霸	者	之	畧				
vị	bá	giã	chi	lược.				

87. — 故 霸 者 之 作 其 論 駁 也
Cố bá giả chi tác, kỳ luận bác giã,

đi, nước địch đã diệt xong thì mưu-thần phải mất. Mất đây chẳng phải là mất cái thân (chết), mà là đoạt cái uy, bỏ cái quyền, phong cho làm quan tại triều, cho ở địa-vị cao nhất để làm sáng tỏ công-nghiệp, cho ở trung-châu, quản-trị đất-dại tốt-lành để nhà trở nên giàu có, cho hưởng sắc đẹp, của quý để được vui lòng.

86. — Nhóm đệ-tử tay chân một lần đã tụ-hợp thì không thể phút-chốc mà chia-lìa, uy-quyền một lần đã nắm giữ thì không thể phút-chốc mà rời bỏ được.

Lúc lui quân, giải-ngũ là bước còn mắt, cho nên phải dùng (cái mới) địa-vị để làm họ suy-yếu, dùng (cái mới) đất-dại, để đoạt uy-quyền của họ, đó gọi là sách-lược của bậc bá-chủ.

87. — Cho nên việc làm của bậc bá-chủ, luận tóm-tắt lại, là

存	社	稷	羅	英	雄	者	中	畧
tồn	xã	tác	la	anh	hùng	giả,	trung	lược
之	勢	也	故	勢	主	祕	焉	
chí	thế	giả,	cố	thế	chủ	bí	yên.	

下 卷

HẠ QUYỀN

夫	能	扶	天	下	之	危	者	則
88. — Phù	năng	phò	thiên	hạ	chí	nguy	giả,	tác
據	天	下	之	安	能	除	天	下
cứ	thiên	hạ	chí	an ;	năng	trừ	thiên	hạ
之	憂	者	則	享	天	下	之	樂
chí	ưu	giả	tác	hưởng	thiên	hạ	chí	lạc ;
能	救	天	下	之	禍	者	則	獲
năng	cứu	thiên	hạ	chí	họa	giả	tác	hoạch

天	下	之	福
thiên	hạ	chí	phúc.

故	澤	及	於	民	則	賢	人	歸
89. — Cố	trạch	cập	ư	dân	tác	hiền	nhân	qui
之	澤	及	昆	蟲	則	聖	人	歸
chí,	trạch	cập	côn	trùng	tác	thánh-nhân	qui	

之
chí.

賢	人	所	歸	則	其	國	强
90. — Hiền-nhân	sở	qui	tác	kỳ	quốc	cường,	
聖	人	所	歸	則	六	合	用
Thánh nhân	sở	qui	tác	lục	hợp	dụng.	

bảo-tồn xã-tắc, vây bọc anh-hùng, đó là cái thế bày ra ở trung-lược cho nên cho nên chủ-chốt của cái thế là sự bí-yếu như thế đó.

CUỐN DƯỚI

88. — Người có thể giúp thiên-hạ trong cơn nguy-biến ắt có thể gìn-giữ sự bình-yên cho thiên-hạ; người trừ được điều lo cho thiên-hạ, ắt có thể đem ⁽¹⁾ điều vui cho thiên-hạ; người cứu được thiên-hạ khỏi tai-họa ắt có thể thu được điều phước về cho thiên-hạ.

89. — Cho nên ân-huệ xuống tới dân-chúng, thì người hiền theo về, ân-huệ xuống tới côn-trùng thì thánh-nhân theo về.

90. — Hiền-nhân theo về thì nước mạnh, thánh-nhân theo về ắt là sáu cõi ⁽²⁾ được dùng trọn vẹn.

(1) Hưởng ở đây không có nghĩa là hưởng-thụ mà có nghĩa là dâng, biểu, cho.

(2) Lục-hợp là trời, đất, đông, tây, nam, bắc.

求 賢 以 德 致 聖 以 道
91. — Cầu hiền dĩ đức, trí thánh dĩ đạo.

賢 去 則 國 微

92. — Hiền khứ tắc quốc vi,

聖 去 則 國 乖

Thánh khứ tắc quốc quai,

微 者 危 之 階

Vi giả nguy chi giai,

乖 者 亡 之 徵

Quai giả vong chi trưng.

賢 人 之 政 降 人 以 體

93. — Hiền nhân chi chính, hàng nhân dĩ thể,

聖 人 之 政 降 人 以 心

Thánh-nhân chi chính, hàng nhân dĩ tâm.

體 降 可 以 圖 始

Thể hàng khả dĩ đồ thủy,

心 降 可 以 保 終

Tâm hàng khả dĩ bảo chung.

降 體 以 禮 降 心 以 樂

Hàng thể dĩ lễ, hàng tâm dĩ nhạc.

所 謂 樂 者 非 金 石 絲 竹

94. — Sở vi nhạc giả, phi kim thạch ty trúc

也

giả,

謂 人 樂 其 家

Vị nhân lạc kỳ gia,

91.— Muốn cầu hiền-nhân thì dùng **đức**, muốn tìm mời tới bậc thánh-nhân thì dùng **dao**.

92.— Người hiền mà bỏ đi thì nước suy-vi,

Thánh-nhân mà bỏ đi thì nước sẽ gặp cảnh ngang-trải
(lộn-xộn không yên-đàn).

Sự suy-vi sẽ dẫn tới cảnh nguy-biến,

Sự lộn-xộn sẽ dẫn tới cảnh mất nước.

93.— Chính-sách của người hiền là hàng phục người bằng hình-thể (thấy được).

Chính-sách của thánh-nhân hàng-phục người bằng đạo-tâm
(không thấy được).

Hàng-phục bằng hình-thẻ để mưu-dở việc đầu,

Hàng-phục bằng đạo-tâm để giữ gìn việc cuối.

Hàng-phục hình-thể thì dùng lễ, hàng-phục tâm-can thì dùng nhạc ⁽¹⁾.

94.— Cái mà gọi là nhạc, chẳng phải là vàng, đá, tơ, trúc,
mà là cái :

— làm cho người an-vui về nhà cửa ;

(2) Nhạc ở đây có nghĩa rộng là sự điều-hòa, thanh-tĩnh.

謂	人	樂	其	族					
Vị	nhân	lạc	kỳ	tộc,					
謂	人	樂	其	業					
Vị	nhân	lạc	kỳ	nghiệp,					
謂	人	樂	其	都	邑				
Vị	nhân	lạc	kỳ	đô	ấp,				
謂	人	樂	其	政	今				
Vị	nhân	lạc	kỳ	chính	lệnh,				
謂	人	樂	其	道	德				
Vị	nhân	lạc	kỳ	đạo	đức,				
如	此	君	人	者	乃	作	樂	以	
Như	thử,	quân	nhân	giả	nãi	tác	nhạc	dĩ	
節	之	使	不	失	其	和			
tiết	chi,	sử	bất	thất	kỳ	hòa,			
故	有	德	之	君	以	樂	樂	人	
Cố	hữu	đức	chi	quân	dĩ	nhạc	lạc	nhân,	
無	德	之	君	以	樂	樂	身	樂	
vô	đức	chi	quân	dĩ	nhạc	lạc	thân,	lạc	
樂	人	者	久	而	長	樂	身	者	
Lạc	nhân	giả	cửu	nhi	trường,	lạc	thân	giả	
不	久	而	亡						
bất	cửu	nhi	vong,						
釋	近	謀	遠	者	勞	而	無	功	
Thích	cận	mưu	viễn	giả	lao	nhi	vô	công,	
釋	遠	謀	近	者	佚	而	有	終	
Thích	viễn	mưu	cận	giả	dật	nhi	hữu	chung,	

- làm cho người an-vui về họ hàng;
- làm cho người an-vui về nghề-nghiep;
- làm cho người an-vui về đô-ấp;
- làm cho người an-vui về phép nước;
- làm cho người an-vui về đạo-đức.

Như thế bậc Vua Chúa bèn đặt ra nhạc đề **tiết-chế** lòng người, khiến cho khỏi mất sự **điều-hòa**.

95.- Cho nên bậc Vua Chúa có đức dùng nhạc đề làm **người vui**, còn bậc Vua Chúa không có đức dùng nhạc đề thân vui.

Làm người vui thì được lâu mà nước được vững bền, còn làm thân vui thì chẳng được lâu mà nước sẽ mất.

96.- Bỏ việc gần mà lo việc xa thì lao nhọc mà chẳng **thành-công**,

Bỏ việc xa mà lo việc gần thì nhàn-rỗi mà chóng hết (không **thành-công** lâu dài),

	佚	政	多	忠	臣				
97.-	Dặt	chính	đa	trung	thần,				
	勞	政	多	怨	民				
	Lao	chính	đa	oán	dân,				
	故	曰	:	務	廣	地	者	荒	
98.-	Cố	viết :		Vụ	quảng	địa	giả	hoang,	
				務	廣	德	者	強	
				Vụ	quảng	đức	giả	cường,	

	能	有	其	有	者	安			
99.-	Năng	hữu	kỳ	hữu	giả	an,			
	貪	人	之	有	者	殘			
	Tham	nhân	chi	hữu	giả	tàn.			
	殘	滅	之	政	累	世	受	患	
100.	Tàn - diệt	chi	chính	lụy	thế	thụ	hoạn,		
	造	作	過	制	強	成	必	敗	
	Tạo - tác	quá	chế	cường	thành	tất	bại.		

	舍	己	而	教	人	者	逆		
101.-	Xả	kỷ	nhĩ	giáo	nhân	giả	ngịch,		
	正	己	而	化	人	者	順		
	Chính	kỷ	nhĩ	hóa	nhân	giả	thuận.		
	逆	者	亂	之	招				
	Nghịch	giả	loạn	chi	chiêu,				
	順	者	治	之	要				
	Thuận	giả	trị	chí	yếu.				

	道	德	仁	義	禮	五	者	一	體
102.-	Đạo,	đức,	nhân,	nghĩa,	lễ,	ngũ	giả	nhất	thể

thề chung.

103.— **Đạo** là đường lối mà người ta bước theo,

Đức là cái mà người ta được nơi mình,

Nhân là cái mà người ta ưa gần,

Nghĩa là cái mà người ta nên làm,

Lễ là cái thề-thức hành-dộng của người ta,

Những điều ấy rất cần-thiết, không thề không có một điều
mà được.

104.— Cho nên sớm dậy tối ngủ, đó là phép-tắc của **lễ-nghĩ**.

Đẹp giặc báo-thù là phán-quyết của điều **nghĩa**,

Lòng trắc-ân là sự phát-biểu của điều **nhân**,

Được cho mình, được cho người, là đường lối thực-hiện của
cái **đức**,

Sai-khiến người một cách đồng đều không sai-lạc, đó là sự
biến-hóa của **đạo**.

105.—	出	君	下	臣	名	曰	命				
	Xuất	quân	hạ	thần	danh	viết	mệnh,				
	施	於	竹	帛	名	曰	令				
	Thí	ư	trúc	hạc	danh	viết	lệnh,				
	奉	而	行	之	名	曰	政				
	Phụng	nhì	hành	chí	danh	viết	chính.				
	夫	命	失	則	令	不	行				
106.—	Phù	mệnh	thất	tắc	lệnh	bất	hành,				
	令	不	行	則	政	不	立				
	Lệnh	bất	hành	tắc	chính	bất	lập,				
	政	不	立	則	道	不	通				
	Chính	bất	lập	tắc	đạo	bất	thông,				
	道	不	通	則	邪	臣	勝				
	Đạo	bất	thông	tắc	tà	thần	thắng,				
	邪	臣	勝	則	主	威	傷				
	Tà	thần	thắng	tắc	chủ	uy	thương.				
	千	里	迎	賢	其	路	遠				
107.—	Thiên	lý	nginh	hiên	kỳ	lộ	viễn,				
	致	不	肖	其	路	近					
	Trí	bất	tiểu	kỳ	lộ	cận,					
	是	以	明	君	舍	近	而	取	遠		
	Thị	đi	minh	quân	xả	cận	nhĩ	thủ	viễn		
	故	能	全	功	尚	人	而	下	盡		
	cố	năng	toàn	công	thượng	nhân,	nhĩ	hạ	tận		
	力										
	lực.										

105.— Việc sai-khiến phát ra từ Vua xuống tới bề tôi gọi là mệnh,

Viết trên thẻ tre hay lụa thì gọi là lệnh,

Vâng chịu mà thi-hành thì gọi là chính.

106.— Mệnh mà mất thì lệnh không thi-hành được,

Lệnh mà không thi-hành thì chính-sách không lập nên được,

Chính-sách không lập được thì đạo không thông,

Đạo mà không thông thì gian-thần thắng thế,

Gian-thần thắng thế thì uy-quyền của Chúa bị tổn-thương.

107.— Từ ngàn dặm đến đón người hiền, con đường ấy thật là xa,

Còn đi tới người ngu, thì con đường ấy gần,

Vì thế bậc Vua sáng-suốt bỏ gần mà lấy xa cho nên Vua giúp bậc thượng-nhân hoàn-thành công-nghiệp mà kẻ dưới cũng sẽ hết lòng làm việc (hoặc Vua thành-công trong việc dùng người mà bề tôi sẽ hết sức phò-tả).

廢	一	善	則	衆	善	衰	
108.— Phế	nhất	thiện	tác	chúng	thiện	suy,	
賞	一	惡	則	衆	惡	歸	
Thưởng	nhất	ác	tác	chúng	ác	qui.	
善	者	得	其	祐	惡	者	受
Thiện	già	đắc	kỳ	hữu,	ác	giả	thụ
誅	則	國	安	而	衆	善	其
trư,	tác	quốc	an	nhi	chúng	thiện	kỳ
衆	疑	無	定	國			
109.— Chúng	nghi	vô	định	quốc,			
衆	惑	無	治	民			
Chúng	hoặc	vô	trị	dân,			
疑	定	惑	還				
Nghi	định	hoặc	hoàn,				
國	乃	可	安				
Quốc	nãi	khả	an.				
一	令	逆	則	百	令	失	
110.— Nhất	lệnh	ngịch	tác	bách	lệnh	thất,	
一	惡	施	則	百	惡	結	
Nhất	ác	thí	tác	bách	ác	kết,	
故	善	施	於	順	民	惡	加
Cố	thiện	thí	ư	thuận	dân,	ác	gia
凶	民	則	令	行	而	無	怨
hung	dân	tác	lệnh	hành	nhi	vô	oán.
使	怨	治	怨	是	謂	逆	天
111.— Sử	oán	trị	oán	thị	vị	ngịch	thiên,

108.— Bỏ một người thiện thì số người thiện sẽ suy-giảm,

Thưởng một người ác, thì các người ác sẽ chạy đến,

Người thiện mà được che chở giúp đỡ, người ác mà bị trừ
giết đi thì nước nhà được bình yên và các người thiện sẽ đến.

109.— Quân - chúng mà nghi - ngờ thì không bình - định
được nước,

Quân-chúng mà lăm-lạc thì không cai-trị được dân,

Làm cho kẻ nghi-ngờ được yên lòng, dặt người lăm-lạc trở về
đường chính,

Thì nước bền trở nên yên-ôn.

110.— Một lệnh mà thi-hành trái ngược thì trăm lệnh đều
thất-bại,

Một điều ác mà thi-hành thì trăm điều ác sẽ kết thành.

Cho nên việc thiện thi-hành vào đám dân lành, việc ác tăng-
gia vào đám dân hung dữ thì lệnh được thi-hành mà chẳng có
oán-hận.

111.— Dùng oán thì dễ trị oán, điều ấy gọi là nghịch trời,

使 讎 治 讎 其 禍 不 救
Sử thù trị thù kỳ họa bất cứu.

治 民 使 平 致 平 以 清 則
112.— Trị dân sử bình, trí bình dĩ thanh, tác

民 得 其 所 而 天 下 寧
dân đắc kỳ sở nhi thiên hạ ninh.

犯 上 者 尊 貪 鄙 者 富 雖
113.— Phạm thượng giả tôn, tham bì giả phú, tuy

有 聖 王 不 能 致 其 治
hữu Thánh-vương bất năng trí kỳ trị.

犯 上 者 誅 貪 鄙 者 拘 則
114.— Phạm thượng giả tru, tham bì giả cữu, tác

化 行 而 衆 惡 消
hóa hành nhi chúng ác tiêu.

清 白 之 士
115.— Thanh bạch chi sĩ,

不 可 以 爵 祿 得
Bất khả dĩ tước lộc đắc;

節 義 之 士
Tiết - nghĩa chi sĩ,

不 可 以 威 刑 脅
Bất khả dĩ uy - hình hiếp.

故 明 君 求 賢 必 觀 其 所
116.— Cố minh quân cầu hiền tất quan kỳ sở

以 而 致 焉
dĩ nhi trí yên.

Lấy thù trị thù thì tai-họa xảy tới không cứu vãn được.

112.— Trị dân thì khiến cho bình-yên, muốn được bình yên thì phải thanh-tĩnh ắt là dân được vừa lòng mà thiên-hạ được yên-lành.

113.— Kẻ xúc-phạm bề trên mà được tôn-trọng, kẻ tham-lam bì-lận mà được giàu có, dẫu có thánh-vương cũng không thể trị yên.

114.— Kẻ xúc-phạm bề trên mà được trừ giết đi, kẻ tham-lam bì-lận mà được cầu-thúc lại ắt là sự giáo-hóa được lưu-hành, mà bọn ác sẽ tự tiêu-diệt.

115.— Đối với kẻ sĩ thanh-bạch,

Không thể dùng tước-lộc mà mời về được;

Đối với kẻ sĩ liết-ngĩa,

Không thể dùng uy-quyền và hình-pháp mà hiếp-bách.

116.— Cho nên bậc Vua sáng-suốt đi mời bậc hiền-tài ắt phải xét rõ lý-do mới có thể mời họ đến được.

致	清	白	之	士	修	其	禮
Trí	thanh	bạch	chi	sĩ	tu	kỳ	lễ,
致	節	義	之	士	修	其	道
Trí	tiết	ngĩa	chi	sĩ	tu	kỳ	đạo,
然	後	士	可	致	而	名	可
nhiên	hậu	sĩ	khả	trí	nhĩ	danh	khả
夫	聖	人	君	子			保
							bảo.

117.— Phù thánh - nhân quân - tử,

明	盛	衰	之	源			
Minh	thịnh	suy	chí	nguyên,			
通	成	敗	之	端			
Thông	thành	bại	chí	duan,			
審	治	亂	之	機			
Thẩm	trị	loạn	chí	cơ,			
知	去	就	之	節			
Trí	khứ	trụ	chí	tiết,			
雖	窮	不	處	亡	國	之	位
Tuy	cùng	bất	xử	vong	quốc	chí	vị,
雖	貧	不	食	亂	邦	之	粟
Tuy	bần	bất	thực	loạn	bang	chí	túc,
潛	名	抱	道	者	時	至	而
Tiềm	danh	bào	đạo	giả,	thời	chí	nhĩ
則	極	人	臣	之	位	德	合
tắc	cực	nhân	thần	chí	vị,	dức	hiệp
已	則	建	殊	絕	之	功	故
kỷ	tắc	kiến	thù	tuyệt	chí	công,	cố
							kỳ

Muốn mời kẻ sĩ thanh-bạch thì trước hết phải tu-chỉnh
lễ-nghĩ,

Muốn mời kẻ sĩ tiết-nghĩa thì trước hết phải tu-dưỡng đạo-
đức, rồi sau mới có thể đi đón mời, như thế danh-dự được bảo-toàn.

117. — Bậc thánh-nhân quân-tử,

Hiếu rõ nguồn gốc thanh-suy,

Thông-suốt mỗi thành-bại,

Xét cơ trời trị loạn,

Biết được vận-tiết đi về (tan hợp).

Tuy khốn-cùng không bao giờ nhận chức-vị trong một đám
dân mất nước,

Tuy nghèo hèn không bao giờ ăn lúa của một nước loạn.

Kẻ dẫu danh giử đạo chờ thời-cơ tới mà hành-động ắt là được
địa-vị quan đại-thần tối-cao, giử đức hợp với mình ắt lập được công.

道 高 而 名 揚 於 後 世
đạo cao nhi danh dương ư hậu thế.

聖 主 之 用 兵 非 樂 之 也
118. — Thánh-chúa chi dụng binh phi lạc chi giả,

將 以 誅 暴 討 亂 也
tương dĩ tru bạo thảo loạn giả.

夫 以 義 誅 不 義 若 決 江
119. — Phù dĩ nghĩa tru bất nghĩa, nhưc quyết giang

河 而 溉 爍 火 臨 不 測 而
hà nhi khái tước hỏa, lâm bất trắc nhi

擠 欲 墜 其 克 必 矣 所 以
tế dục truy, kỳ khắc tất hĩ. Sở dĩ

優 游 恬 淡 而 不 進 者 重
ưu du điềm đạm nhi bất tấn giả, trọng

傷 人 物 也
thương nhân vật giả.

夫 兵 者 不 祥 之 器 天 道
190. — Phù binh giả bất tường chi khí, thiên đạo

惡 之 不 得 已 而 用 之 是
ô chi, bất đắc dĩ nhi dụng chi, thị

天 道 也
thiên đạo giả.

夫 人 之 在 道 若 魚 之 在
121. — Phù nhân chi tại đạo nhưc ngư chi tại

水 得 水 而 生 失 水 而 死
thủy, đắc thủy nhi sinh, thất thủy nhi tử.

ngiệp vĩ-dại, cho nên nhờ đó nền đạo-dức được thanh-cao mà danh-tiếng vang-lừng tới đời sau.

118. — Bậc Thánh-Chúa dùng binh chẳng phải vui-thích, mà vì muốn trừ bạo dẹp loạn.

119. — Lấy việc nghĩa để trừ việc bất-nghĩa, cũng đồng như mở thông sông ngòi để tưới tấp lúa được ⁽¹⁾ nhằm lúc bất ngờ mà xô cái vật đã muốn nghiêng đổ, thì sự thắng-thế ấy ắt phải có vậy. Nếu chỉ thung-dung điềm-đạm mà chẳng chịu tiến-hành thì sẽ làm tổn-thương nặng-nề tới nhân-vật vậy.

120. — Việc binh là việc **chẳng lành**, đạo trời ghét nó, chỉ dùng nó vì cực chẳng đã mà thôi thì mới hợp đạo trời.

121. — Người ta ở trong đạo cũng như cá ở trong nước,

(1) Dùng phương-tiện lớn để làm việc nhỏ thì thành-công quá dễ-dàng.

故君子常懼而不敢失
Cố quân-tử thường cù nhi bất cảm thất

道

đạo.

122. — Hào-kiệt binh chức, quốc uy nãi nhược, 豪傑秉職國威乃弱
殺生在豪傑國勢乃竭
Sát sinh tại hào-kiệt, quốc thế nãi kiệt.

豪傑低首國乃可久
殺生在君國乃可安
Hào-kiệt đề thủ, quốc nãi khả cửu, an.
Sát sinh tại quân, quốc nãi khả an.

123. — Tứ dân dụng hư, quốc nãi vô 儲
四民用足國乃安樂
Tứ dân dụng túc, quốc nãi an lạc.

124. — Hiên-thần nội tắc tà, thần ngoại, 賢臣內則邪臣外
邪臣內則賢臣斃
Tà-thần nội tắc hiên-thần tộ.

內外失宜禍亂傳世
大臣疑主衆姦集聚
Nội ngoại thất nghi, họa loạn truyền thế.
Đại-thần nghi chủ, chúng gian tập tụ.

125. — Đại-thần nghi chủ, chúng gian tập tụ, 臣當君尊上下乃昏
Thần đương quân tôn, thượng hạ nãi hôn,

được nước thì sống mất nước thì chết. Cho nên bậc quân-tử thường sợ-sệt mà chẳng dám lìa đạo.

122. — **Hào-kiệt** mà nắm lấy chức-vị thì cái uy của nước trở nên hèn yếu.

Quyền cho sống cho chết mà ở trong tay các hào-kiệt thì cá thể của nước phải mất.

Các hào-kiệt **cúi đầu** thì nước mới bền vững lâu-dài,

Quyền cho sống cho chết ở trong tay Vua thì nước mới yên-định.

123. — Đồ dùng của **bốn hạng dân** (sĩ, nông, công, thương) mà thiếu-hụt thì nước không có của để dành,

Đồ dùng của bốn hạng dân mà đầy-dủ thì nước sẽ an-vui.

124. — Hiền-thần mà ở trong triều thì gian-thần phải trục-xuất,

Gian-thần mà ở trong triều thì hiền-thần phải chết (oan),

Việc phân-chia trong ngoài mà thi-hành không đúng phép thì tai-họa loạn-lạc sẽ lưu-truyền trong đời.

125. — Bậc đại-thần mà ngờ Chúa thì bọn gian sẽ tụ-tập,

Bề tôi mà dành chức-vị tôn quý của Vua, thì trên dưới hỗn-ám,

君	當	臣	處	上	下	失	序	
Quân	dương	thần	xử	thượng	hạ	thất	lự.	
傷	賢	者	殃	及	三	世		
126. —	Thương	hiền	giả	ương	cập	tam	thế,	
蔽	賢	者	身	受	其	害		
Tê	hiền	giả	thân	thụ	kỳ	hại,		
嫉	賢	者	其	名	不	全		
Tật	hiền	giả	kỳ	danh	bất	toàn,		
進	賢	者	福	流	子	孫		
Tấn	hiền	giả	phúc	lưu	tử	tôn.		
故	君	子	急	於	進	賢	而	美
Cố	quân	tử	cấp	ư	tấn	hiền	nhĩ	mỹ
名	彰	焉						
danh	chương	yên.						
利	一	害	百	民	去	城	郭	
127. —	Lợi	nhất	hại	bách	dân	khứ	thành-quách,	
利	一	害	萬	國	乃	思	散	
Lợi	nhất	hại	vạn	quốc	nãi	tư	tán.	
去	一	利	百	人	乃	慕	澤	
Khứ	nhất	lợi	bách	nhân	nãi	mộ	trạch,	
去	一	利	萬	政	乃	不	亂	
Khứ	nhất	lợi	vạn	chính	nãi	bất	loạn.	

— 終 —

Nhà Vua mà làm công việc của bề tôi thì trên dưới mất vị-thứ.

126. — Làm tổn-hại người hiền thì tai-vạ lưu-truyền tới ba đời,

Che dấu người hiền thì thân phải chịu tai-hại,

Ghen ghét người hiền thì danh-vị không được bảo-toàn,

Cất-nhắc người hiền thì phúc lưu-truyền cho con cháu.

Cho nên bậc quân-tử gấp lo việc cất-nhắc người hiền nên

công-danh tốt-đẹp lại càng rực-rỡ thêm.

127. — Lợi một phần mà hại trăm phần thì dân rời bỏ thành-quách đang ở,

Lợi một phần mà hại muôn phần thì dân trong nước lo-tính việc phân-tán,

Bỏ một mà lợi trăm thì người người cảm mến ân-huệ mà theo về,

Bỏ một mà lợi vạn thì nền chánh-trị sẽ không rối loạn.

— HẾT —

BẢNG ĐÍNH-CHÍNH

TRANG	DÒNG	DẤ IN	XIN CHỮA LẠI NHƯ SAU :
7	5	Lữ	Lữ
8	5	tà	là
16	14	lạ	lại
17	17	uống	uốn
21	4	đọc được	được đọc
29	11	tan hợp	hoặc dịch là: di về
46	4 kể từ dưới	nhà	nhân
48	1	người lành	người hiền, nên chính-trị rối loạn thì không có người lành.
61	8	sốt hẳn dòng 8	Thêm vào: Yếu cũng có chỗ dùng được, mạnh cũng có chỗ ta gia thêm vào.
83	1 & 2	Thừa 2 dòng này	Cho 2 dòng ấy qua đầu trang 81
89	1 kể từ dưới	Thừa dòng này	Cho dòng ấy qua đầu trang 91
129	2	như thế đó	như vậy đó.

Mục-Lục

	TRANG
Lời nói đầu	7
Tựa cũ của Triệu-Văn-Túc	21
* * *	
A. — HUỲNH-THẠCH-CÔNG LỤC CHƯƠNG:	
Chương I: Nguyên-Thủy	24
Chương II: Cầu Nhân Chi Chí	28
Chương III: Chánh-Đạo	30
Chương IV: Bồn Đức Tôn Đạo	34
Chương V: Tuân-Nghĩa	36
Chương VI: An-Lễ	46
* * *	
B. — BÙA NHỊN CƠM CỦA TRƯƠNG-LƯƠNG	56
* * *	
C. — THÁI-CÔNG BINH-PHÁP:	
Thượng quyền	58
Trung quyền	114
Hạ quyền	128
* * *	
D. — BẢNG ĐÍNH-CHÍNH	152

PHÁT-HÀNH TẠI NHÀ SÁCH KHAI-TRÍ

62, LÊ-LỢI — SAIGON

- **VIỆT-ĐIỆN U-LINH TẬP** của LÝ-TẾ-XUYỀN
(Bản dịch của Lê-Hữu-Mục)
- **LĨNH-NAM CHÍCH-QUÁI** của TRẦN-THỂ-PHÁP
(Bản dịch của Lê-Hữu-Mục)
- **BINH-THƯ TÔN-TỬ**
(Bản dịch của Nguyễn-Duy-Hình)
- **THÁI-CÔNG BINH-PHÁP** của KHƯƠNG-LỮ-VỌNG
(Bản dịch của Lê-Xuân-Mai & Mã-Nguyên-Lương)
- **TỔ-THƯ** của HOÀNG-THẠCH-CÔNG
(Bản dịch của Lê-Xuân-Mai & Mã-Nguyên-Lương)
- **SỬ-KÝ** của TƯ-MÃ-THIÊN
(Bản dịch của Nhượng-Tổng)
- **VIỆT-SỬ TIÊU-ÁN** của NGÔ-THỜI-SĨ
(Bản dịch của Hội V. N. L. L. Văn-Hóa Á-Châu)
- **NAM-HOÀ-KINH** của TRANG-TỬ
(Bản dịch của Nguyễn-Duy-Cần)
- **ĐẠO-ĐỨC-KINH** của LÃO-TỬ
(Bản dịch của Nguyễn-Duy-Cần)

G. P. K. D. số 1715 T. B. T. T. C. H./BC 3/XB ngày 2-6-1967

GIÁ NHẤT-ĐỊNH: 80 Đ.